

KT3-01984AKL5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03

10/11/2025  
Trang/ Page  
01/02

1. Phương tiện đo/ Object: **BỘ QUẢ CÂN**  
**SET OF WEIGHTS**
2. Nhà sản xuất/ MFR: N/A
3. Kiểu/ Type: Không hộc điều chỉnh SN: 19647 ID: N/A  
*Non adjusting cavity*
4. Đặc trưng kỹ thuật: Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass: 2 g - 100 g  
Specifications Số lượng quả/ Quantity of weights: 04 quả  
Vật liệu/ Material: Thép không gỉ/ Stainless steel
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
Customer 683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
Place of Calibration 7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QUATEST3 2104:2025  
Method of Calibration Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure
8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL1112	Standard Weights E2	06/2024	06/2026	LNE-FRANCE

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [23,0 ± 0,5] °C [50 ± 5] %RH [1000 ± 10] hPa
10. Hiệu chỉnh/ Adjustment: Không/ No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 04/11/2025
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-01984AKL5/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 04/11/2026  
*Recalibration Date as request of Customer*

**TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG**  
**HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

Vũ Quốc Khôi



Nguyễn Anh Triết

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo toán theo đơn vị đo lường quốc tế SI.  
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
2. Độ không đảm bảo do sai rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
3. Không được trích sao tem phụ giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ địa.địa@quatest.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 or the email address địa.địa@quatest.com.vn for further information about certificate of calibration.  
5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viễn 016). Các vật dụng có dấu (\*) là được đo riêng biệt.  
The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VIA 016). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-01984AKL5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 05

10/11/2025  
 Trang/ Page  
 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai số, <i>Error</i> mg	Độ KDBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
2 g	2,000058 g	0,058	0,040	F1
10 g	10,000077 g	0,077	0,060	F1
50 g	50,00010 g	0,10	0,10	F1
100 g	100,00025 g	0,25	0,16	F1

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **ND 86/2012/ND-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.*

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

*The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.*

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

*Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004*

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate demonstrates the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [E: info@quatest3.com.vn] để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đoàn) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện DQ), Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VINAQ). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-01984AKL5/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: ĐK 03

10/11/2025  
 Trang/ Page  
 01/03

- 1. Phương tiện đo: **CÂN ĐIỆN TỬ**  
 Object: **ELECTRONIC BALANCE**
- 2. Nơi sản xuất: **METTLER TOLEDO**  
 Manufacturer
- 3. Kiểu/ Type: **RW 00-1220-301 SN: FFH11590 ID: N/A**
- 4. Đặc trưng kỹ thuật: **+ Mức cân lớn nhất / Max capacity: 300 g / 750 g**  
**+ Mức cân nhỏ nhất / Min capacity: 2 g**  
**+ Giá trị độ chia nhỏ nhất / Division: 0,1 g / 0,2 g**
- 5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
 Customer: **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
- 6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
 Place of Calibration: **1196 Đường 3/2, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh**
- 7. Phương pháp hiệu chuẩn: **QUATEST3 2103:2025**  
 Method of Calibration: **Nonautomatic Weighing Instruments - Calibration Procedure**
- 8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL1206	Standard Weights-F1	08/2025	08/2026	LNE-FRANCE

- 9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: **[25 ± 2] °C [55 ± 20] %RH**
- 10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: **Không/ No**
- 11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: **31/10/2025**
- 12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: **KT3-01984AKL5/2**
- 13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **31/10/2026**  
 Recalibration Date as request of Customer

**TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG**  
**HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.**

  
**Võ Quốc Khôi**

**KT. CHẤM ĐỌC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÒNG CHẤM ĐỌC/ ICE DIRECTOR**



  
**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ báo việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which results the unity of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phải bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được trích xuất một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (Hàng) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Năm 03/6). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Pilot 03/6). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.





KT3-01984AKL5/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No. 03-03/2017/QLĐT

10/11/2025  
Trang/ Page  
03/03



**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **ND 86/2012/ND-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7, only.*

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

*The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.*

d. Tên phương tiện đo được cung cấp bởi khách hàng.

*The object name was provided by the customer.*



QUATEST 3®

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which enable the user of measurement according to the International System of Units.*

2. Độ không đảm bảo đo nêu riêng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95,5% độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.*

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ đến địa chỉ [qltest3@qltest3.com.vn](mailto:qltest3@qltest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email address [qltest3@qltest3.com.vn](mailto:qltest3@qltest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.*

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ISO) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện QM), Các gói dịch vụ khác (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VIA QM). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*



Q326A011640  
(HLDL26000437.02)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

09/02/2026  
Page 02/02

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03

**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

**14.1 Trước khi hiệu chỉnh/Before adjusting:**

Giá trị chỉ thị, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, $\mu\text{S/cm}$ <i>Reference value</i>	Hằng số K, $\text{cm}^{-1}$ <i>Cell constant</i>
97,3	84,0	N/A

**14.2 Sau khi hiệu chỉnh/After adjusting:**

**a. Kiểm tra độ chính xác/Test of accuracy @ 25 °C**

Đơn vị <i>Unit</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i>	Sai số <i>Error</i>	Độ KĐBĐ <i>Uncertainty</i>
$\mu\text{S/cm}$	14,9	15,1	- 0,2	0,7
	87,1	84,0	+ 3,1	1,7

**b. Kiểm tra độ ổn định/Test of stability @ 25 °C**

Giá trị chỉ thị ban đầu, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value at the first time</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, $\mu\text{S/cm}$ <i>Difference</i>
87,1	87,6	+ 0,5

**15. Thông tin khác/Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với bảy lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of seven measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer*

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc tuân thủ chuẩn dẫn chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, who it realize the units of measurement according to the International System of Units.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.*

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Hàng) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện QM). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Hàng) (Hàng). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326A011640  
 (HLDL26000437.01)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

09/02/2026  
 Page 01/02

- Phương tiện đo: **MÁY ĐO ĐỘ DẪN ĐIỆN**  
 Object: **CONDUCTIVITY METER**
- Nơi sản xuất/Manufacturer: HANNA
- Kiểu/Type: BL983313 SN: 09040029111 & 112903BN
- Đặc tính kỹ thuật: Phạm vi đo/Range: (0 đến/to 1999)  $\mu\text{S/cm}$   
 Specifications: Độ phân giải/Resolution: 1  $\mu\text{S/cm}$
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
 Customer: **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
 Place of Calibration: **Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Phương pháp hiệu chuẩn: QUATEST3 2060:2025 - Phương tiện đo độ dẫn điện-Quy trình hiệu chuẩn  
 Methods of Calibration: **Conductivity Meter - Calibration Procedure**
- Chuẩn sử dụng/Standards Used:



ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15134	Conductivity Standards	04/2025	05/2026	NIST-USA
HL15148	Circulating Bath	05/2025	05/2026	VMI-VIET NAM

- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment:  $[25 \pm 2]^\circ\text{C}$ ;  $[60 \pm 10] \%RH$
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: Có/Yes
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: 05/02/2026
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: HLDL26000437.01
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 05/02/2027  
 Recalibration date as request of customer

**PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



**Nguyễn Lưu Vĩnh Khang**



**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate demonstrates the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo nêu trên được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ bộ phận dịch vụ (địa chỉ: info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 096). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - for Non (ĐNA 096). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

Q326A011640  
(HLDL26000437.01)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK 03

09/02/2026  
Page 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

**14.1 Trước khi hiệu chỉnh/Before adjusting:**

Giá trị chỉ thị, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, $\mu\text{S/cm}$ <i>Reference value</i>	Hằng số K, $\text{cm}^{-1}$ <i>Cell constant</i>
1183	1412,9	N/A

**14.2 Sau khi hiệu chỉnh/After adjusting:**

**a. Kiểm tra độ chính xác/Test of accuracy @ 25 °C**

Đơn vị <i>Unit</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i>	Sai số <i>Error</i>	Độ KĐBĐ <i>Uncertainty</i>
$\mu\text{S/cm}$	86	84,0	+ 2	2
	1411	1412,9	- 1	28

**b. Kiểm tra bù nhiệt/Test of temperature compensation**

Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Giá trị chỉ thị, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, $\mu\text{S/cm}$ <i>Reference value</i>	Hệ số nhiệt độ, %/°C <i>Temp. coef.</i>	Sai lệch, $\mu\text{S/cm}$ <i>Difference</i>
30	1512	1412,9	N/A	+ 99

**c. Kiểm tra độ ổn định/Test of stability @ 25 °C**

Giá trị chỉ thị ban đầu, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value at the first time</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, $\mu\text{S/cm}$ <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, $\mu\text{S/cm}$ <i>Difference</i>
1411	1405	- 6

**15. Thông tin khác/Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với bảy lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of seven measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

*The quantity values are calibrated as request of customer*

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which is realized by the units of measurement as coding to the International System of Units.*

2. Độ không đảm bảo đo mô tả được tính ra độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, in part or in full, without the written permission by Quatest 3.*

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 via the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.*

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (NVL) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 01/0). Các máy dùng có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited in compliance to NVLQC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viên 01/0). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-01239AHL5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

13/06/2025

Page 01/02

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ: Service License N°: DK 03

1. Phương tiện đo: **MÁY ĐO ĐỘ DẪN ĐIỆN**  
*Object* **CONDUCTIVITY METER**
2. Nơi sản xuất/Manufacturer: HANNA
3. Kiểu/Type: BL983320 SN: 08300087111 & 1136065N
4. Đặc tính kỹ thuật: Phạm vi đo/Range: (0 đến/to 199,9)  $\mu\text{S/cm}$   
*Specifications* Độ phân giải/Resolution: 0,1  $\mu\text{S/cm}$
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
*Place of Calibration* **7 Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QTHC/KT3 54:2018 - Phương tiện đo độ dẫn điện - Quy trình hiệu chuẩn  
*Methods of Calibration* **Conductivity Meter - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15134	Conductivity Standards	04/2025	05/2026	NIST-USA
HL15148	Circulating Bath	05/2025	05/2026	VMI-VIET NAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment:  $[25 \pm 2]^\circ\text{C}$ ;  $[60 \pm 10] \%RH$
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: Không/No
11. Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: 12/06/2025
12. Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: KT3-01239AHL5/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 12/06/2026  
*Recalibration date as request of customer*

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**



Nguyễn Hoàng Ngọc

**TL. GIÁM ĐỐC/PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**



Nguyễn Tấn Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) và để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.*

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vian 036). The characteristics marked with (\*) is/are not accredited yet.*



KT3-01239AHL5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ: Service License N: DK 03



06/2025  
02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

**a. Kiểm tra độ chính xác/Test of accuracy @ 25 °C**

Đơn vị Unit	Giá trị chỉ thị Indication value	Giá trị chuẩn Reference value	Sai số Error	Độ KĐBD Uncertainty
μS/cm	13,6	14,80	- 1,2	0,4
	83,9	84,00	- 0,1	2,5

**b. Kiểm tra độ ổn định/Test of stability @ 25 °C**

Giá trị chỉ thị ban đầu, μS/cm Indication value at the first time	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, μS/cm Indication value after 2 hours	Chênh lệch, μS/cm Difference
83,9	83,8	- 0,1

**15. Thông tin khác/Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu ND 86/2012/ND-CP.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.

*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với năm lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.

*All calibration results are based on a series of five measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer.*



- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc tuân thủ chuẩn đo lường quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.*
- Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses at: cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.*
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các số đang có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 036). The characteristics marked with (\*) is not accredited yet.*

KT3-02363AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

10/11/2025

Page 01/03

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

1. Phương tiện đo: **MÁY ĐO pH**  
*Object* **pH METER**
2. Nơi sản xuất/Manufacturer: **METTLER TOLEDO**
3. Kiểu/Type: **FiveEasy F20**  
SN: C035927521 & 0247HL4 ID: MÁY ĐO pH
4. Đặc tính kỹ thuật: **Phạm vi đo/Range: (0,00 đến/to 14,00) pH**  
*Specifications* **Độ phân giải/Resolution: 0,01 pH**
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
*Place of Calibration* **7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: **QUATEST3 2121:2025 - Phương tiện đo pH/ORP - Quy trình hiệu chuẩn**  
*Method of Calibration* **pH/ORP meters - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15133	pH Standards	07/2024	01/2026	NIST-USA
HL15148	Circulating Bath	05/2025	05/2026	VMI-VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment: **[25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH**
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: **Có/Yes**
11. Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: **03/11/2025**
12. Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: **KT3-02363AHL5**
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **03/11/2026**  
*Recalibration date as request of customer*

**PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**Nguyễn Lưu Vĩnh Khang**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên hệ chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phải bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3.  
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) và để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email address [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ An Ninh) công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các kết quả có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - the Viet Nam (036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-02363AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: 01/11/2025

0/11/2025

Page 02/03



**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

**14.1 Trước khi hiệu chỉnh/Before adjusting:**

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>
6,88	7,002

**14.2 Sau khi hiệu chỉnh/After adjusting:**

**a. Kiểm tra độ chính xác/ Test of accuracy @ 25 °C**

Chế độ hiệu chuẩn/Calibration mode : hiệu chuẩn theo 2 điểm/ CAL 2 points (7-10), (7-4)

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>	Độ KỂBBĐ, pH <i>Uncertainty</i>
4,00	4,002	0,00	0,02
7,00	7,002	0,00	0,02
10,04	10,004	+ 0,03	0,02

**b. Kiểm tra độ chính xác tại pH = 10 sau khi hiệu chuẩn bằng cặp điểm (7-4)**

*Test of accuracy at pH = 10 after calibrating by two points (7-4) @ 25 °C*

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>
9,79	10,004	- 0,22

**c. Kiểm tra bù nhiệt/ Test of temperature compensation**

Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>
30	6,99	6,991	0,00

**d. Kiểm tra độ ổn định/ Test of stability @ 25 °C**

Giá trị chỉ thị ban đầu, pH <i>Indication value at the first time</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, pH <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, pH <i>Difference</i>
7,00	6,98	- 0,02

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn dẫn chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated at the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được tích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ (028)38294274 để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ Y) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các ký hiệu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-02363AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

10/11/2025

Page 03/03

### 15. Thông tin khác/Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với bảy lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of seven measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer*

KT3-02489AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

25/11/2025

Page 01/04

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03

- Phương tiện đo: **THIẾT BỊ ĐO ĐA NĂNG <sup>(1)</sup>**  
*Object* **MULTI-PARAMETER**
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **AZ**
- Kiểu/Type: **86505** SN: **10657704**
- Đặc tính kỹ thuật: **Xem các trang sau/ See next pages**  
*Specifications*
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
*Place of Calibration* **7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai**
- Phương pháp hiệu chuẩn/ Methods of Calibration: **Xem các trang sau/ See next pages**
- Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15134	Conductivity Standard Solution	04/2025	05/2026	NIST-USA
HL15133	pH Standards	07/2024	01/2026	NIST-USA
HL15201	TDS Standard Solution	11/2023	12/2025	NIST-USA
HL15148	Circulating Bath	05/2025	05/2026	VMI-VIETNAM

- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment: **[25 ± 2] °C ; [60 ± 10] %RH**
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: **Có/Yes**
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: **20/11/2025**
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: **KT3-01544BHL5**
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **20/11/2026**  
*Recalibration date as request of customer*

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**KT. GIÁM ĐỐC/FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/VICE DIRECTOR**



**Huỳnh Trọng Nghĩa**



**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Đo lường đảm bảo độ mà riêng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phạm bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The expanded uncertainty of measurement is stated at the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ Y tế) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 019). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Institution 019). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-02489AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ: Service License N°: DK 03



**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

**14.1 Chức năng đo độ dẫn điện/Conductivity measurement**

Phương pháp hiệu chuẩn/ Methods of calibration : QUATEST3 2060:2025

Số hiệu điện cực/Sensor N° : 10657704

Phạm vi đo/Range : (0 đến/to 199,9) mS/cm

Độ phân giải/Resolution : 0,1  $\mu$ S/cm đến/to 0,01 mS/cm

a. Trước khi hiệu chỉnh/Before adjusting :

Giá trị chỉ thị, $\mu$ S/cm <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, $\mu$ S/cm <i>Reference value</i>	Hằng số K, $cm^{-1}$ <i>Cell constant</i>
1409	1412,9	N/A

b. Sau khi hiệu chỉnh/After adjusting:

Kiểm tra độ chính xác/Test of accuracy @ 25 °C

Đơn vị <i>Unit</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i>	Sai số <i>Error</i>	Độ KĐBĐ <i>Uncertainty</i>
$\mu$ S/cm	84,1	84,0	+ 0,1	1,7
	1413	1412,9	0	28
mS/cm	13,28	12,88	+ 0,40	0,27

Kiểm tra bù nhiệt/Test of temperature compensation

Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Giá trị chỉ thị, $\mu$ S/cm <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, $\mu$ S/cm <i>Reference value</i>	Hệ số nhiệt độ, %/°C <i>Temp. coef.</i>	Sai số, $\mu$ S/cm <i>Error</i>
30	1415	1412,9	N/A	+ 2

Kiểm tra độ ổn định/Test of stability @ 25 °C

Giá trị chỉ thị ban đầu, $\mu$ S/cm <i>Indication value at the first time</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, $\mu$ S/cm <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, $\mu$ S/cm <i>Difference</i>
1413	1413	0



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện sự liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate is also certified the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address (see 4th) if you need further information about certificate of calibration.

5. Hướng Thị nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng của Bộ Y tế N/A công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các máy dùng có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is a certified as complying to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Get Viet (Institution). The chosen service marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-02489AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03



**14.2 Chức năng pH/pH measurement**

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Methods of calibration*: QUATEST3 2121:2025

Số hiệu điện cực/Sensor N°: 0206HL5

Phạm vi đo/Range: (0,00 đến/to 14,00) pH

Độ phân giải/Resolution: 0,01 pH

a. Trước khi hiệu chỉnh/Before adjusting:

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>
6,95	6,868

b. Sau khi hiệu chỉnh/After adjusting:

Kiểm tra độ chính xác/ *Test of accuracy @ 25 °C*

Chế độ hiệu chuẩn/Calibration mode: hiệu chuẩn theo 2 điểm/ *CAL 2 points (6-9), (6-4)*

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>	Độ KĐBD, pH <i>Uncertainty</i>
4,00	4,002	0,00	0,02
6,86	6,868	- 0,01	0,02
9,18	9,188	- 0,01	0,02

Kiểm tra độ chính xác tại pH = 9 sau khi hiệu chuẩn bằng cặp điểm (6-4)

*Test of accuracy at pH = 9 after calibrating by two points (6-4) @ 25 °C*

Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>
9,06	9,188	- 0,13

Kiểm tra bù nhiệt/ *Test of temperature compensation*

Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Giá trị chỉ thị, pH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, pH <i>Reference value</i>	Sai số, pH <i>Error</i>
30	6,87	6,857	+ 0,01

Kiểm tra độ ổn định/ *Test of stability @ 25 °C*

Giá trị chỉ thị ban đầu, pH <i>Indication value at the first time</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, pH <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, pH <i>Difference</i>
6,83	6,86	- 0,03

*Handwritten signature*

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo nêu riêng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhà sản xuất với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, in full or part, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc và giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Hàng Việt Nam) công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Hàng Việt Nam). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-02489AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03



05/11/2025  
 Page 04/04

**14.3 Chức năng TDS/TDS measurement**

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Methods of calibration* : QUATEST3 2126:2025

Số hiệu điện cực/Sensor N° : 10657704

Phạm vi đo/Range : (0 đến/to 199,9) ppt

Độ phân giải/Resolution : 0,01 ppm đến/to 0,1 ppt

Kiểm tra độ chính xác/Test of accuracy

Hệ số chuyển đổi <i>Conversion factor</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i>	Sai số <i>Error</i>	Độ KĐBB <i>Uncertainty</i>
Đơn vị/Unit : ppm <sup>(2)</sup>				
0,466	39,2	42,26	- 3,1	0,4
0,496	799	797,4	+ 2	8
Đơn vị/Unit : ppt <sup>(3)</sup>				
0,548	6,64	6,41	+ 0,23	0,07

Kiểm tra độ ổn định/Test of stability

Giá trị chỉ thị ban đầu, ppm <i>Indication value at the first</i>	Giá trị chỉ thị sau 2 giờ, ppm <i>Indication value after 2 hours</i>	Chênh lệch, ppm <i>Difference</i>
797	799	+ 2

<sup>(2)</sup> ppm : Parts per million ~ mg/L

<sup>(3)</sup> ppt : Parts per thousand ~ g/L

**15. Thông tin khác/Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu ND 86/2012/NĐ-CP.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với năm lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of five measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer*

<sup>(1)</sup> Tên phương tiện đo theo yêu cầu khách hàng.

*The name of instrument depend on customer's request*



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate also accords the traceability to national standard, which realize the unity of measurement as comply to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được thể hiện độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần hay chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except with the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ để được giải đáp và xin độ tin cậy thêm thông tin.  
 Please contact QR 477 57 1 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Hàng) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Mục 01b). Các kết quả có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Item 01b). The change results marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-02186AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03



06/10/2025  
 02/04

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**14.1 Độ hấp thụ/Absorption**

Bước sóng, nm <i>Wavelength</i>	Giá trị chỉ thị, AU <sup>(1)</sup> <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, AU <i>Reference value</i>	Sai số, AU <i>Error</i>	Độ KDBĐ, AU <i>Uncertainty</i>
340	0,034	0,0335	+ 0,001	0,002
	0,281	0,2817	- 0,001	0,002
	0,898	0,9034	- 0,005	0,005
	1,956	1,9767	- 0,021	0,012
400	0,030	0,0319	- 0,002	0,002
	0,300	0,3045	- 0,004	0,002
	0,930	0,9457	- 0,016	0,005
	1,987	1,9954	- 0,009	0,010
465	0,029	0,0313	- 0,002	0,002
	0,324	0,3284	- 0,005	0,002
	0,975	0,9907	- 0,016	0,005
	2,010	2,0188	- 0,009	0,010
500	0,028	0,0309	- 0,003	0,002
	0,334	0,3383	- 0,005	0,002
	0,993	1,0086	- 0,016	0,005
	2,008	2,0189	- 0,011	0,010
546,1	0,028	0,0306	- 0,002	0,002
	0,344	0,3484	- 0,004	0,002
	1,010	1,0254	- 0,016	0,005
	2,001	2,0116	- 0,011	0,010
635	0,029	0,0303	- 0,002	0,002
	0,356	0,3604	- 0,004	0,002
	1,028	1,0431	- 0,016	0,005
	1,965	1,9760	- 0,011	0,010
750	0,029	0,0300	- 0,001	0,002
	0,366	0,3697	- 0,004	0,002
	1,042	1,0565	- 0,015	0,005
	1,919	1,9263	- 0,007	0,010
880	0,030	0,0311	- 0,001	0,002
	0,371	0,3728	- 0,002	0,002
	1,063	1,0709	- 0,008	0,005
	1,879	1,8873	- 0,008	0,010

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tính thì theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This certificate is a certificate of measurement traceability to national standards, indicating that the units of measurement are conforming to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mô hình được viết dưới dạng không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.

3. Không được trích sao một phần giá trị chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, in whole or in part, without the written permission of QATEST 3.

4. Mọi thay đổi về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ đơn vị hiệu chuẩn để biết thêm thông tin.  
 For any change of certificate of calibration, customers should contact the calibration unit for more information about certificate of calibration.

5. Trong Danh mục đi kèm Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ Khoa Học và Công nghệ Việt Nam) cũng như phụ lục theo ISO/IEC 17025:2017 (Viễn 096). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The following table is included in the accompanying Quality Assurance Manual (Ministry of Science and Technology of Vietnam) as well as Annex A of ISO/IEC 17025:2017. The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-02186AHL5

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

### CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03



#### 14.2 Độ truyền qua/ Transmittance

Bước sóng, nm <i>Wavelength</i>	Giá trị chỉ thị, %T <sup>(2)</sup> <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, %T <i>Reference value</i>	Sai số, %T <i>Error</i>	Độ KDBĐ, %T <i>Uncertainty</i>
340	92,5	92,58	- 0,1	0,6
	52,4	52,28	+ 0,1	0,4
	12,6	12,49	+ 0,2	0,2
	1,1	1,06	+ 0,1	0,1
400	93,3	92,92	+ 0,4	0,6
	50,1	49,60	+ 0,5	0,4
	11,7	11,33	+ 0,4	0,2
	1,0	1,01	0,0	0,1
465	93,5	93,05	+ 0,4	0,6
	47,4	46,95	+ 0,5	0,4
	10,6	10,22	+ 0,4	0,2
	1,0	0,96	0,0	0,1
500	93,7	93,13	+ 0,6	0,6
	46,4	45,89	+ 0,5	0,4
	10,2	9,80	+ 0,4	0,2
	1,0	0,96	0,0	0,1
546,1	93,7	93,20	+ 0,5	0,6
	45,2	44,83	+ 0,4	0,4
	9,8	9,43	+ 0,3	0,2
	1,0	0,97	0,0	0,1
635	93,6	93,26	+ 0,4	0,6
	44,1	43,61	+ 0,4	0,4
	9,4	9,06	+ 0,3	0,2
	1,1	1,06	0,0	0,1
750	93,6	93,33	+ 0,3	0,6
	43,1	42,69	+ 0,4	0,4
	9,1	8,78	+ 0,3	0,2
	1,2	1,18	0,0	0,1
880	93,3	93,09	+ 0,2	0,6
	42,6	42,38	+ 0,2	0,4
	8,7	8,49	+ 0,2	0,2
	1,3	1,30	0,0	0,1

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo toán thì theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-02186AHL5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License №: ĐK 03

10/2025  
Page 04/04

**14.3 Bước sóng/ Wavelength**

Giá trị chỉ thị, nm <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn, nm <i>Reference value</i>	Sai số, nm <i>Error</i>	Độ KĐBĐ, nm <i>Uncertainty</i>
332	333,4	- 1	1
344	345,6	- 2	1
360	361,2	- 1	1
386	386,2	0	1
417	416,9	0	1
450	451,1	- 1	1
484	485,3	- 1	1
537	537,5	- 1	1
641	641,3	0	1
741	740,8	0	1
794	794,5	0	1
864	864,6	- 1	1

(1)  $AU = - \lg_{10}(\%T)$

(2)  $\%T = I_0/I + 100$

$I_0$ : cường độ của tia sáng tới

$I$ : cường độ của tia sáng còn lại (sau khi bị hấp thụ bởi kính lọc)

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity values are calibrated as request of customer.*



- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email address: [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.*
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện DTM). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited or conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (BQA). The characters marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326A038091  
(HLDL26001424.01)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

16/04/2026  
Page 01/02

1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT ẨM KẾ KHÔNG KHÍ/ DIGITAL THERMO-HYGROMETER**
2. Nơi sản xuất/ Manufacturer: **SMARTSENSOR**
3. Kiểu/ Type: **AS807** SN: 7988874
4. Đặc tính kỹ thuật/ Specifications:
 

Chức năng đo/Measurement	Phạm vi đo/Range	Độ phân giải/ Resolution
- Nhiệt độ/ Temperature, °C:	- 20 đến/ to 70	0,1
- Độ ẩm/ Humidity, %RH:	10 đến/ to 95	1
5. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
**Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái,**  
**Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of Calibration: **QUATEST3 2063:2025**  
Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí - Quy trình hiệu chuẩn  
*Air Thermo - Hygrometer - Calibration Procedure*
8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15193	Temperature Standard	05/2025	05/2026	VMI - VIETNAM
HL15193	Humidity Standard	03/2026	03/2027	CMI - CZECH

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: **[25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH**
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: **Không/No**
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: **16/04/2026**
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: **HLDL26001424.01**
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **16/04/2027**  
*Recalibration date as request of customer*

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

  
**Nguyễn Hoàng Ngọc**

  
**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, và được sự đồng ý của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.  
This calibration certificate also means the traceability to national standards, which is realized through the traceability of measurements to the International System of Units.  
2. Độ không đảm bảo đo bao gồm tổng được tính từ độ không đảm bảo đo của chuẩn đo lường và hệ số phân bố k = 2, phần bù chuẩn trong ứng dụng 95% độ tin cậy.  
The reported expanded measurement uncertainty is stated in the standard deviation of measurements or multiplied by the coverage factor k = 2 at 95% confidence level.  
3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This certificate shall not be reproduced or copied in full, without the written permission by Quatest 3.  
4. Mọi thắc mắc và giấy chứng nhận hiệu chuẩn khách hàng liên hệ theo địa chỉ: quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact Quatest 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
\* Trong thời gian đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đo lường) Việt Nam công nhận phù hợp theo (ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036)). Các số đang có hiệu lực chỉ định, công nhận.  
The Testing Lab is accredited in accordance with ISO/IEC 17025:2017 by Division of Accreditation - Viet Nam (ĐAN 036). The certificate is marked with (\*) are not in compliance.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.01)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ: Service License #: DK 03

16/04/2026  
 Page 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**a. Nhiệt độ/ Temperature measurement**

Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, °C <i>Error</i>	Độ KĐBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>		
15,2	15,00	60,0	+ 0,2	0,3
20,1	20,00	60,0	+ 0,1	0,3
24,9	25,00	60,0	- 0,1	0,3
29,7	30,00	60,0	- 0,3	0,3

**b. Độ ẩm/ Humidity measurement**

Giá trị chỉ thị, %RH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, %RH <i>Error</i>	Độ KĐBĐ, %RH <i>Uncertainty</i>
	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>		
42	40,0	20,00	+ 2	2
53	50,0	20,00	+ 3	2
63	60,0	20,00	+ 3	2
74	70,0	20,00	+ 4	2
86	80,0	20,00	+ 6	3

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với hai lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of two measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer*



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn dẫn chuẩn quốc gia, và đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the metrological traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurements is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, in part or full, without the written permission by QATEST 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QATEST 3 on the email address: info@qatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (Ủy ban) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam).  
 The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Vietnam Accreditation - Viet Nam (VIA) 010. The chambers marked with (\*) are not accredited yet.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.02)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK 03

16/04/2026  
 Page 01/02

1. Phương tiện đo/ *Object*: **NHIỆT ÂM KẾ KHÔNG KHÍ/ DIGITAL THERMO-HYGROMETER**
2. Nơi sản xuất/ *Manufacturer*: SMARTSENSOR
3. Kiểu/ *Type*: AS807 SN: 7987708
4. Đặc tính kỹ thuật/ *Specifications*:
 

Chức năng đo/Measurement	Phạm vi đo/Range	Độ phân giải/Resolution
- Nhiệt độ/ Temperature, °C:	- 20 đến/ to 70	0,1
- Độ ẩm/ Humidity, %RH:	10 đến/ to 95	1
5. Khách hàng/ *Customer*: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration*: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
**Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration*: QUATEST3 2063:2025  
 Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí - Quy trình hiệu chuẩn  
*Air Thermo - Hygrometer - Calibration Procedure*
8. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used*:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15193	Temperature Standard	05/2025	05/2026	VMI - VIETNAM
HL15193	Humidity Standard	03/2026	03/2027	CMI - CZECH

9. Môi trường hiệu chuẩn/ *Calibration Environment*: [25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment*: Không/No
11. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of Calibration*: 16/04/2026
12. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration Label*: HLDL26001424.02
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng/ *Recalibration date as request of customer*: 16/04/2027

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**



**Nguyễn Hoàng Ngọc**

**KIỂM GIAM ĐỌC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ KIỂM GIAM ĐỌC/ VICE DIRECTOR**



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate also attests the traceability to national standards, with the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo tương ứng được trình bày ở không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission of Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về quy trình hiệu chuẩn hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: (quatest3.com.vn) với sự đồng ý để biết thêm thông tin.  
 Please contact (HLDL3) at the email address: (quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ/Vụ) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 096). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to: (HLDL3) by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Điền 096). The contents marked with (\*) are not accredited yet.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.02)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N: DK 03

16/04/2026  
 Page 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**a. Nhiệt độ/ Temperature measurement**

Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, °C <i>Error</i>	Độ KĐBD, °C <i>Uncertainty</i>
	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>		
15,2	15,00	60,0	+ 0,2	0,3
20,1	20,00	60,0	+ 0,1	0,3
24,9	25,00	60,0	- 0,1	0,3
29,7	30,00	60,0	- 0,3	0,3

**b. Độ ẩm/ Humidity measurement**

Giá trị chỉ thị, %RH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, %RH <i>Error</i>	Độ KĐBD, %RH <i>Uncertainty</i>
	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>		
42	40,0	20,00	+ 2	2
53	50,0	20,00	+ 3	2
63	60,0	20,00	+ 3	2
73	70,0	20,00	+ 3	2
84	80,0	20,00	+ 4	3

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với hai lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of two measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer*



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ hợp với kết quả hiệu chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate is only valid for the results of national standard, with the unit of measurement was according to the International System of Units (SI).  
 2. Không đảm bảo độ chính xác của kết quả hiệu chuẩn dựa trên điều kiện hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
 The reported results of this certificate of measurement is valid as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2 of 95% confidence level.  
 3. Không được sử dụng kết quả của chứng nhận hiệu chuẩn này để không sử dụng bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate is valid only for the results of measurement without the written permission of Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact: info@quatest3.com.vn for any questions or for more information about this certificate of calibration.  
 5. Phòng: Hồ Chí Minh, Văn phòng Công nghệ Hệ thống, (Độc lập) Năm công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Năm 09/2016) của Hội đồng đo lường Việt Nam được công nhận.  
 The Laboratory is accredited to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation, Viet Nam (since 09/2016). It is a member of metrology Vietnam and is recognized.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.03)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License №: DK 03

16/04/2026  
 Page 01/02

1. Phương tiện đo/ *Object*: **NHIỆT ẨM KẾ KHÔNG KHÍ/ DIGITAL THERMO-HYGROMETER**
2. Nơi sản xuất/ *Manufacturer*: SMARTSENSOR
3. Kiểu/ *Type*: AS807 SN: 7989125
4. Đặc tính kỹ thuật/ *Specifications*:
 

Chức năng đo/ <i>Measurement</i>	Phạm vi đo/ <i>Range</i>	Độ phân giải/ <i>Resolution</i>
- Nhiệt độ/ <i>Temperature, °C</i> :	- 20 đến/ <i>to</i> 70	0,1
- Độ ẩm/ <i>Humidity, %RH</i> :	10 đến/ <i>to</i> 95	1
5. Khách hàng/ *Customer*: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration*: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
**Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration*: QUATEST3 2063:2025  
 Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí - Quy trình hiệu chuẩn  
*Air Thermo - Hygrometer - Calibration Procedure*
8. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used*:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15193	Temperature Standard	05/2025	05/2026	VMI - VIETNAM
HL15193	Humidity Standard	03/2026	03/2027	CMI - CZECH

9. Môi trường hiệu chuẩn/ *Calibration Environment*: [25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment*: Không/ *No*
11. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of Calibration*: 16/04/2026
12. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration Label*: HLDL26001424.03
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng/ *Recalibration date as request of customer*: 16/04/2027

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**Nguyễn Hoàng Ngọc**

**KIỂM GIÁM ĐỌC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ KIỂM GIÁM ĐỌC/ VICE DIRECTOR**

**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ được sử dụng để hiệu chuẩn các thiết bị đo lường quốc gia, và được sử dụng tuân thủ theo hệ thống kỹ thuật đo lường quốc gia.  
 This certificate is valid only for the calibration of national standards, and is only used in accordance with the national metrology system.  
 2. Độ không đảm bảo đo bao gồm dung sai, tính tự do không đảm bảo đo chuẩn nhận với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The expanded uncertainty includes measurement uncertainty at the expanded uncertainty coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được tái sử dụng một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced or used in part without the written permission of Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact Q3 (TTKT3) at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện VIL). Các nội dung chi tiết (\*) là dựa trên quy định.  
 The Testing Lab is a national laboratory conforming to ISO/IEC 17025:2017 in Vietnam (VIL). The detailed contents (\*) are based on the regulation.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.03)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

16/04/2026  
 Page 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**a. Nhiệt độ/ Temperature measurement**

Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, °C <i>Error</i>	Độ KĐBBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>		
15,4	15,00	60,0	+ 0,4	0,3
20,4	20,00	60,0	+ 0,4	0,3
25,2	25,00	60,0	+ 0,2	0,3
30,0	30,00	60,0	0,0	0,3

**b. Độ ẩm/ Humidity measurement**

Giá trị chỉ thị, %RH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, %RH <i>Error</i>	Độ KĐBBĐ, %RH <i>Uncertainty</i>
	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>		
40	40,0	20,00	0	2
51	50,0	20,00	+ 1	2
62	60,0	20,00	+ 2	2
74	70,0	20,00	+ 4	2
85	80,0	20,00	+ 5	3

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với hai lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of two measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer*



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, vật đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, with it realize the units of measurement according to the International System of Units.*  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính và độ không đảm bảo dựa vào chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm K3 (thuộc T).  
*This certificate shall not be reproduced, copied or filed without the written permission by Qatest 3.*  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ (ĐT: 028 3629 4274) hoặc địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QATEST 3 at the email address: info@qatest3.com.vn or Tel: 028 3629 4274 for further information about certificate of calibration.*  
 5. Phòng Hiệu nghiệm đã được Vào phòng Công nhận Châu Âu - Là Ủy ban Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện Q3). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện Q3). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326A038091  
 (HLDL26001424.04)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

16/04/2026  
 Page 01/02

1. Phương tiện đo/ *Object*: **NHIỆT ẨM KẾ KHÔNG KHÍ/ DIGITAL THERMO-HYGROMETER**
2. Nơi sản xuất/ *Manufacturer*: SMARTSENSOR
3. Kiểu/ *Type*: AS807 SN: 7988833
4. Đặc tính kỹ thuật/ *Specifications*:
 

Chức năng đo/ <i>Measurement</i>	Phạm vi đo/ <i>Range</i>	Độ phân giải/ <i>Resolution</i>
- Nhiệt độ/ <i>Temperature, °C</i> :	- 20 đến/ <i>to</i> 70	0,1
- Độ ẩm/ <i>Humidity, %RH</i> :	10 đến/ <i>to</i> 95	1
5. Khách hàng/ *Customer*: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration*: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
**Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration*: QUATEST3 2063:2025  
 Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí - Quy trình hiệu chuẩn  
*Air Thermo - Hygrometer - Calibration Procedure*



8. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used*:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15193	Temperature Standard	05/2025	05/2026	VMI - VIETNAM
HL15193	Humidity Standard	03/2026	03/2027	CMI - CZECH

9. Môi trường hiệu chuẩn/ *Calibration Environment*: [25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment*: Không/ *No*
11. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of Calibration*: 16/04/2026
12. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration Label*: HLDL26001424.04
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng/ *Recalibration date as request of customer*: 16/04/2027

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

**KÊ GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

  
**Nguyễn Hoàng Ngọc**

  
**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ áp dụng cho các kết quả hiệu chuẩn quốc gia và đơn vị đo lường theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate only applies to the test results of national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mô tả trong đơn vị đo không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported measurement uncertainty of measurement results is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced or copied in full, without the written permission of Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng hãy liên hệ địa chỉ: 40 Phạm Văn Đồng, Quận 12, TP. HCM để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 016). Các mô đun cơ bản (\*) và chuyên công nhận.  
 The Testing Lab is accredited according to VNQA 17025:2017 by the National Committee for Standardization and Metrology. The certificate is marked with (\*) for basic and specialized.

Q326A038091  
 (HLDL26001424.04)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

16/04/2026  
 Page 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**a. Nhiệt độ/ Temperature measurement**

Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, °C <i>Error</i>	Độ KĐBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>		
15,3	15,00	60,0	+ 0,3	0,3
20,2	20,00	60,0	+ 0,2	0,3
25,1	25,00	60,0	+ 0,1	0,3
29,8	30,00	60,0	- 0,2	0,3

**b. Độ ẩm/ Humidity measurement**

Giá trị chỉ thị, %RH <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ Reference value		Sai số, %RH <i>Error</i>	Độ KĐBĐ, %RH <i>Uncertainty</i>
	Độ ẩm, %RH <i>Humidity</i>	Nhiệt độ, °C <i>Temperature</i>		
42	40,0	20,00	+ 2	2
52	50,0	20,00	+ 2	2
63	60,0	20,00	+ 3	2
73	70,0	20,00	+ 3	2
85	80,0	20,00	+ 5	3

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với hai lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.  
*All calibration results are based on a series of two measurements, from which the average and errors are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer*



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate discloses the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.*  
 2. Độ không đảm bảo đo tổng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, copied or put without the written permission by Quatest 3.*  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.*  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên Hiệu Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận).  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (BoA) 036. The content is marked with (\*) are not accredited yet.*

Q326A038091  
 (HLDL26001424.05)

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**  
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N: DK 03

16/04/2026  
 Page 01/02

1. Phương tiện đo/ *Object*: **NHIỆT ẨM KẾ KHÔNG KHÍ/ DIGITAL THERMO-HYGROMETER**
2. Nơi sản xuất/ *Manufacturer*: **SMARTSENSOR**
3. Kiểu/ *Type*: **AS807** SN: 7988789
4. Đặc tính kỹ thuật/ *Specifications*:
 

Chức năng đo/ <i>Measurement</i>	Phạm vi đo/ <i>Range</i>	Độ phân giải/ <i>Resolution</i>
- Nhiệt độ/ <i>Temperature, °C</i> :	- 20 đến/ <i>to</i> 70	0,1
- Độ ẩm/ <i>Humidity, %RH</i> :	10 đến/ <i>to</i> 95	1
5. Khách hàng/ *Customer*: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration*: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
**Lô C5, Đường D1, KCN Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration*: **QUATEST3 2063:2025**  
 Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí - Quy trình hiệu chuẩn **Air Thermo - Hygrometer - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used*:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
HL15193	Temperature Standard	05/2025	05/2026	VMI - VIETNAM
HL15193	Humidity Standard	03/2026	03/2027	CMI - CZECH

9. Môi trường hiệu chuẩn/ *Calibration Environment*: [25 ± 2] °C; [60 ± 10] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment*: Không/ *No*
11. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of Calibration*: 16/04/2026
12. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration Label*: HLDL26001424.05
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng/ *Recalibration date as request of customer*: 16/04/2027

**TL. PHỤ TRÁCH PDL HÓA LÝ**  
**PP. HEAD OF PHYSICOCHEMICAL MEAS. LAB.**

  
**Nguyễn Hoàng Ngọc**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**  
  
**Nguyễn Anh Triết**



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate also confirms the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Đo không đảm bảo đo tại phòng được thiết kế để không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ sai. 2. phần bù chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 This report cannot be used as a basis of measurement or it may do so as the standard uncertainties of measurement are multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, copied or held without the written permission by Quality 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact Q326A038091 at the email address: info@quatest.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng Hồ Chí Minh công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036). Các kết quả có dấu (\*) là kết quả được hiệu chỉnh.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Ho Chi Minh City. The results marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-02090ANH5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

11/11/2025

Page : 01/02

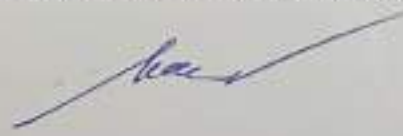
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License #: DK 03

1. Phương tiện đo: **NHIỆT KÊ THỦY TINH CHẤT LỒNG**  
*Object* **LIQUID-IN-GLASS THERMOMETER**
2. Nơi sản xuất: **ALLA-FRANCE**  
*Manufacturer*
3. Kiểu/ Type: N/A SN: 90602 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật: **+ Phạm vi đo/ Range: - 20 °C đến/ to 110 °C**  
*Specification* **+ Độ phân giải/ Resolution: 1 °C**  
**+ Mức nhúng/ Immersion: 76 mm**
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
*Place of Calibration* **7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: **QUATEST3 2085:2025 Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng - Quy trình hiệu chuẩn**  
*Method of Calibration* **Liquid - in - Glass Thermometers - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
NH1741	Temperature Indicator	02/2025	02/2026	VMI-VIETNAM
NH2089	PRT, Pt 100	02/2025	02/2026	VMI-VIETNAM KRISS-KOREA
NH2042	Calibration Bath	12/2024	12/2025	VMI-VIETNAM KRISS-KOREA
NH2080; NH1790	Calibration Bath	12/2024	12/2025	VMI-VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [23 ± 5] °C [50 ± 20] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 11/11/2025
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-02090ANH5
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 11/11/2026  
*Recalibration Date as Request of Customer*

**TRƯỞNG PDL NHIỆT**  
**HEAD OF TEMPERATURE MEAS. LAB.**

  
**Trần Lê Phương**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**



  
**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận tiêu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo hiện tại theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate increments the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao nội dung giấy chứng nhận hiệu chuẩn này trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi điều kiện về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ đơn vị đo: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 or the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Châu Âu (UKAS) Văn Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện D16). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - UKAS (UKAS D16). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-02090ANH5

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ: Service License N°: DK 03



11/2025  
 Page: 02/02

**14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration**

Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value</i>	Số hiệu chỉnh, °C <i>Correction</i>	Độ KDBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
- 20,0	- 20,00	0,0	0,5
0,5	0,00	- 0,5	0,5
30,5	30,01	- 0,5	0,5
71,0	70,01	- 1,0	0,5
99,5	100,00	+ 0,5	0,5

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **ND 86/2012/ND-CP; BIPM SI Brochure.**

*All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.*

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*

c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với mười lần đo để tính giá trị trung bình và hiệu chỉnh.

*All calibration results are based on ten times of measurement, from which the average and correction are calculated.*

d. Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

*The quantity values are calibrated as request of customer.*

e. Khả năng đọc trên phương tiện đo/ *Readability:*

0,5 °C

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
*This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.*

2. Độ không đảm bảo đo nêu riêng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated on the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng qua địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email address [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about certificate of calibration.*

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (địa) - Việt Nam công nhận (phí hợp theo ĐOHC 17025:2017 (Viên 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viên 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

KT3-01984AKL5/3

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

10/11/2025  
 Trang/ Page  
 01/02

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

1. Phương tiện đo: **ỐNG ĐONG CHIA ĐỘ**  
*Object* **GRADUATED CYLINDER**
2. Nơi sản xuất: **Pyrex**  
*Manufacturer*
3. Kiểu/ Type: **Đồ vào/ In** SN: **KL190718** ID: **N/A**
4. Đặc trưng kỹ thuật: **+ Dung tích danh nghĩa/ Nominal Capacity: 500 mL**  
*Specifications* **+ Giá trị vạch chia/ Division: 5 mL**  
**+ Vật liệu/ Material: Thủy tinh/ Glass**
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, Phường Thống Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**  
*Place of Calibration* **7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: **QUATEST3 2106:2025**  
*Method of Calibration* **Laboratory volumetric instruments - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL2307	Technical Balance	06/2025	06/2026	LNE - FRANCE

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: **[22 ± 1] °C** **[50 ± 10] %RH**
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: **Không / No**
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: **06/11/2025**
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: **KT3-01984AKL5/3**
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng:  
*Recalibration Date as request of Customer* **06/11/2027**

**TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG**  
**HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.**

  
**Võ Quốc Khôi**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**





KT3-03012BNH5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

12/11/2025

Page: 01/04

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

1. Phương tiện đo: **TỦ ÁM**  
*Object* **INCUBATOR**
2. Nơi sản xuất: **BINDER - GERMANY**  
*Manufacturer*
3. Kiểu/ Type: 3002807000000 SN: 980546 ID: 01/TBTN/KTSX
4. Đặc trưng kỹ thuật: Phạm vi đo/ Range: Max. 70 °C  
*Specification* Độ phân giải/ Resolution: 1 °C  
 Thể tích/ Volume: 53 L
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Place of Calibration* **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QUATEST3 2052:2025 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn  
*Method of Calibration* **Thermal Chambers - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
NH1980	Memory Hilogger	02/2025	02/2026	VMI-VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 07/11/2025
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-03012BNH5/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 07/11/2026  
*Recalibration Date as Request of Customer*

**TL. TRƯỞNG PDL NHIỆT**  
**PP. HEAD OF TEMPERATURE MEAS. LAB.**

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

  
**Trần Thị Huyền**

  
**Nguyễn Anh Triết**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn bằng ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm Kỹ Thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, copied or full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm Đo lường Chất lượng Quốc gia (ĐoA) Việt Nam cũng nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện GHI). Các vật đang có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VIA GHI). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-03012BNH5/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

12/11/2025

Page: 02/04

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 07



**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**Dữ liệu hiệu chuẩn/ Data of Calibration**

SP: 37,0 °C									
Time	Giá trị đo tại các vị trí/ Value in locations, °C (hình vẽ: Page 04/04)								
h:min:s	1	2	3	4	5	6	7	8	9
13:10:00	38,20	37,95	37,69	37,77	35,88	35,91	35,78	35,91	36,24
13:11:00	37,95	37,70	37,39	37,52	35,61	35,66	35,48	35,66	35,99
13:12:00	37,85	37,65	37,34	37,42	35,55	35,51	35,48	35,61	35,99
13:13:00	37,65	37,45	37,14	37,22	35,36	35,31	35,28	35,46	35,74
13:14:00	37,40	37,20	36,94	37,07	35,20	35,16	35,13	35,26	35,49
13:15:00	37,25	37,10	36,79	36,92	35,05	35,01	34,98	35,11	35,34
13:16:00	37,50	37,35	36,99	37,12	35,53	35,51	35,38	35,66	35,99
13:17:00	37,85	37,80	37,64	37,72	36,68	36,71	36,58	36,71	36,79
13:18:00	38,45	38,00	38,19	38,17	37,35	37,51	37,13	37,36	37,34
13:19:00	38,60	38,55	38,44	38,52	37,60	37,81	37,43	37,51	37,64
13:20:00	38,80	38,80	38,69	38,72	37,73	37,76	37,63	37,76	37,89
13:21:00	38,95	39,10	38,69	38,82	37,75	37,66	37,68	37,86	37,94
13:22:00	39,15	39,25	38,79	38,87	37,73	37,56	37,68	37,91	37,99
13:23:00	39,10	39,15	38,69	38,82	37,56	37,36	37,53	37,76	37,94
13:24:00	39,15	39,15	38,69	38,82	37,48	37,21	37,48	37,71	37,84
13:25:00	38,95	38,95	38,54	38,67	37,18	36,91	37,18	37,41	37,69
13:26:00	38,95	38,85	38,39	38,57	37,05	36,86	37,03	37,21	37,44
13:27:00	38,80	38,65	38,29	38,42	36,86	36,76	36,78	37,01	37,24
13:28:00	38,40	38,25	37,89	38,07	36,35	36,21	36,28	36,51	36,64
13:29:00	38,25	38,00	37,69	37,87	36,06	36,01	36,03	36,11	36,34
13:30:00	38,00	37,80	37,44	37,62	35,75	35,76	35,58	35,86	36,09
13:31:00	37,80	37,55	37,19	37,37	35,41	35,41	35,28	35,51	35,79
13:32:00	37,40	37,15	36,89	37,02	35,03	35,06	34,93	35,06	35,39
13:33:00	37,10	36,90	36,59	36,72	34,71	34,81	34,63	34,66	35,14
13:34:00	37,10	37,00	36,64	36,77	35,05	34,96	34,98	35,16	35,39
13:35:00	37,40	37,50	37,14	37,17	36,18	36,26	36,08	36,16	36,39
13:36:00	37,50	37,60	37,39	37,52	36,90	37,01	36,78	36,86	36,89
13:37:00	37,85	37,95	37,74	37,72	37,20	37,31	37,08	37,16	37,19
13:38:00	38,00	37,95	37,89	37,92	37,33	37,56	37,18	37,21	37,29
13:39:00	37,95	38,05	37,94	37,87	37,41	37,46	37,28	37,46	37,39
Average	38,11	38,01	37,73	37,83	36,42	36,40	36,33	36,49	36,68
Max.	39,15	39,25	38,79	38,87	37,75	37,81	37,68	37,91	37,99
Min.	37,10	36,90	36,59	36,72	34,71	34,81	34,63	34,66	35,14
<b>Chênh lệch nhiệt độ/ Max. Temp. Gradient <sup>(1)</sup></b>	<b>Biến động nhiệt độ/ Temp. Fluctuation <sup>(2)</sup></b>								
1,78 °C	± 2,02 °C								

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about certificates of calibration.  
 5. Phương pháp nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đánh giá) Nêu cũng nhân phụ hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 03). Các chỉ định có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - (VN) N/A (File 03). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-03012BNHS/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

12/11/2025

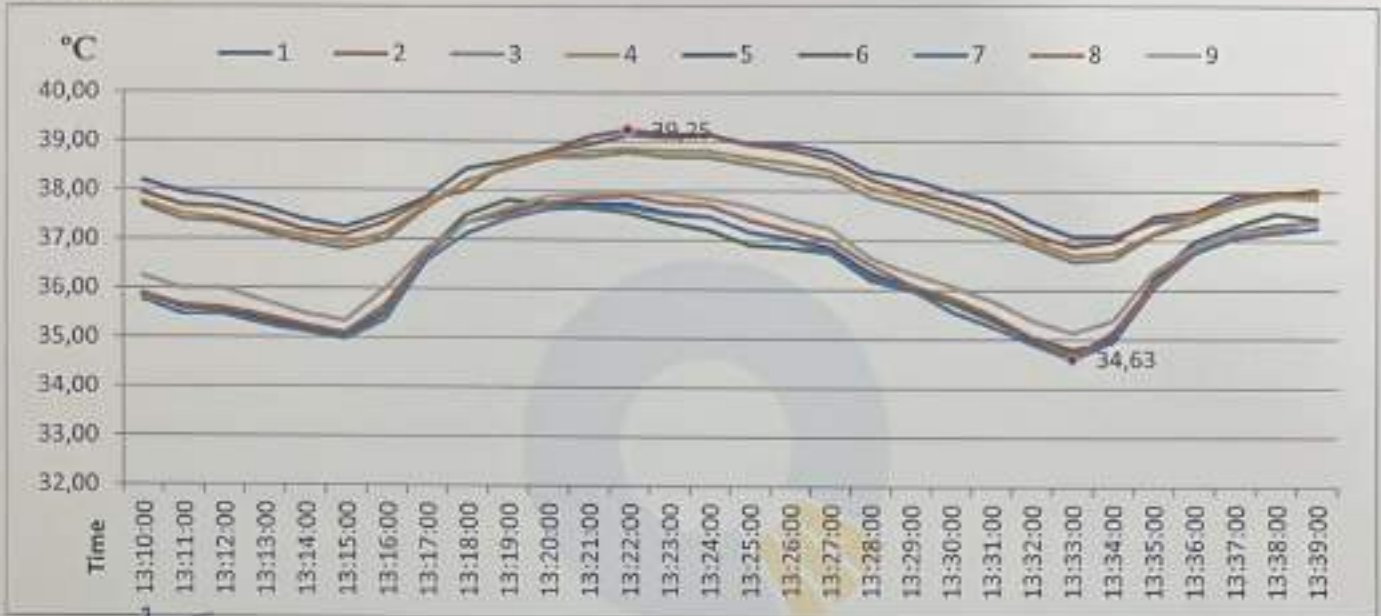
Page: 03/04



**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

Biểu đồ của dữ liệu hiệu chuẩn/Chart of calibration data

SP: 37,0 °C



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đầu chuẩn quốc gia, với đơn vị đo toán theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which is realized by the units of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hệ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses of calibration@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (Ủy ban) Nhà công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036). Các chỉ định có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by House of Accreditation - Viet Nam (Viên 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-03012BNHS/1

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

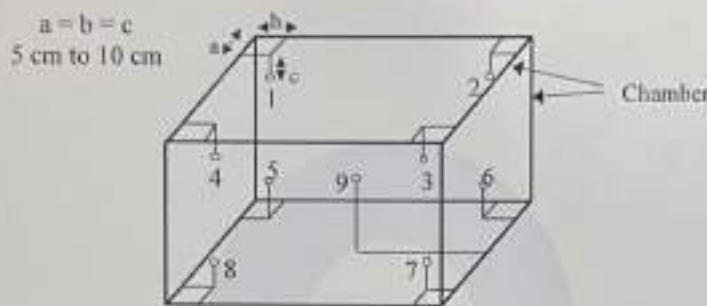


2/11/2025  
 Page: 04/04

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of calibration**

Điểm đặt, °C <i>Setting Point (SP)</i>	Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value</i>	Số hiệu chỉnh, °C <i>Correction</i>	Độ KDBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
37,0	37,0	37,11	0,0	2,5

<Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure>



Mặt phẳng trước/ Front surface: (4, 3, 7, 8)

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

- a. Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **ND 86/2012/ND-CP; BIPM SI Brochure**/ All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.  
*Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.*
- c. Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba mươi lần đo để tính giá trị trung bình và hiệu chỉnh/ All calibration results are based on thirty times of measurement, from which the average and correction are calculated.
- d. <sup>(1)</sup>: Chênh lệch lớn nhất về giá trị trung bình giữa hai vị trí bất kì trong không gian làm việc trong khoảng thời gian qui định sau khi thiết bị đạt trạng thái ổn định/ *Maximum difference in mean value, between two separate points of the working space during a specified time after stabilization.*
- e. <sup>(2)</sup>: Biên động tại vị trí bất kì trong không gian làm việc trong khoảng thời gian qui định sau khi thiết bị đạt trạng thái ổn định/ *The fluctuation during a specified interval of time at specified temperature points in the working space, after temperature stabilization.*
- f. Giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.  
*The quantity value is calibrated as request of customer.*
- g. Khả năng đọc trên phương tiện đo/ *Readability:* **0,5 °C**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được nêu ra để không đảm bảo đo chuẩn tương với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao hoặc phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ bộ phận chi đi: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã tham: Văn phòng Công nhận Chất lượng (BAC) và Văn phòng nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Việt Nam). Các kết quả có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (BAC 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-03012BNH5/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

12/11/2025

Page: 01/04

1. Phương tiện đo: **TỦ SẤY**  
*Object* **DRY OVEN**
2. Nơi sản xuất: **BINDER - GERMANY**  
*Manufacturer*
3. Kiểu/ Type: 2902823000001 SN: 980135 ID: 02/TBTN/KTSX
4. Đặc trưng kỹ thuật: Phạm vi đo/ Range: Max. 250 °C  
 Độ phân giải/ Resolution: 5 °C  
 Thể tích/ Volume: 53 L  
*Specification*
5. Khách hàng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Customer* **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
6. Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*Place of Calibration* **683 Quang Trung, P. Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**
7. Phương pháp hiệu chuẩn: QUATEST3 2052:2025 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn.  
*Method of Calibration* **Thermal Chambers - Calibration Procedure**
8. Chuẩn sử dụng/Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
NH1980	Memory Hilogger	02/2025	02/2026	VMI-VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment: [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RH
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration: 07/11/2025
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label: KT3-03012BNH5/2
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 07/11/2026  
*Recalibration Date as Request of Customer*

**TL. TRƯỞNG PDL NHIỆT**  
**PP. HEAD OF TEMPERATURE MEAS. LAB.**

  
 Trần Thị Huyền

**KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

  
 Nguyễn Anh Triết

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với điều kiện tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the unity of measurement according to the International System of Units.  
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được liệt kê ở đây không tính hiệu đo (chính xác với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy).  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
 5. Phòng Tài nguyên đo được: Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đoàn) Việt Nam công nhận giá hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện Hàn). Các kết quả có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VINA-QMC). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-03012BNH5/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03



11/2025

Page: 02/04

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

**Dữ liệu hiệu chuẩn/ Data of Calibration**

SP: 150,0 °C									
Time	Giá trị đo tại các vị trí/ Value in locations, °C (hình vẽ: Page 04/04)								
h:min:s	1	2	3	4	5	6	7	8	9
13:10:00	154,55	154,25	154,85	154,30	153,30	153,10	151,75	152,30	151,80
13:11:00	154,10	154,25	154,75	154,30	152,90	153,20	151,60	151,85	151,80
13:12:00	153,80	153,85	154,30	153,45	152,55	151,90	151,15	151,40	151,25
13:13:00	153,00	153,15	153,80	152,95	151,50	150,95	150,55	150,55	150,35
13:14:00	152,95	152,85	153,65	152,75	151,35	151,20	150,45	150,75	150,30
13:15:00	153,45	153,35	153,70	153,45	151,85	152,20	150,70	151,05	151,15
13:16:00	154,05	153,95	154,45	154,30	153,15	153,70	151,50	151,85	152,00
13:17:00	154,20	154,40	154,75	154,20	153,10	152,85	151,70	152,15	152,10
13:18:00	154,20	154,25	154,60	153,90	152,90	153,00	151,60	152,00	151,85
13:19:00	154,00	153,75	154,45	153,45	152,50	152,30	151,15	151,15	151,20
13:20:00	153,15	153,05	153,95	153,05	151,60	150,85	150,40	150,55	150,55
13:21:00	153,00	152,75	153,35	153,00	151,50	151,50	150,35	150,75	150,20
13:22:00	153,45	153,30	153,80	153,25	152,45	152,40	150,85	151,20	151,15
13:23:00	154,30	154,15	154,45	153,90	152,90	153,50	151,55	151,75	152,20
13:24:00	154,40	154,55	154,70	154,05	153,55	153,80	151,85	152,55	152,30
13:25:00	154,45	154,45	154,85	154,15	153,10	153,05	151,70	152,10	152,30
13:26:00	153,90	153,85	154,25	153,55	152,50	152,05	151,25	151,55	151,50
13:27:00	153,15	153,35	154,00	153,10	151,60	151,50	150,60	150,70	150,60
13:28:00	152,85	152,75	153,35	153,10	151,45	151,45	150,30	150,55	150,25
13:29:00	153,25	153,15	153,85	153,55	151,80	152,60	150,80	151,55	150,80
13:30:00	154,15	154,10	154,35	154,35	152,90	153,75	151,50	152,10	152,00
13:31:00	154,50	154,45	154,65	154,30	153,00	153,30	151,65	151,95	152,30
13:32:00	154,55	154,55	154,80	154,20	153,05	153,40	151,70	151,90	152,25
13:33:00	154,15	154,10	154,35	153,50	152,75	152,55	151,30	151,50	151,85
13:34:00	153,25	153,35	153,90	153,20	151,75	151,45	150,70	151,20	150,65
13:35:00	153,05	152,75	153,60	152,90	151,45	151,50	150,20	150,85	150,15
13:36:00	153,35	153,05	153,75	153,30	151,90	152,10	150,80	151,45	150,90
13:37:00	154,25	154,05	154,35	153,75	152,90	152,90	151,35	151,85	151,85
13:38:00	154,35	154,55	154,85	154,30	153,35	153,25	151,80	151,75	152,30
13:39:00	154,40	154,70	154,55	154,05	152,95	153,55	151,85	151,80	152,45
Average	153,81	153,77	154,23	153,65	152,45	152,50	151,16	151,49	151,41
Max.	154,55	154,70	154,85	154,35	153,55	153,80	151,85	152,55	152,45
Min.	152,85	152,75	153,35	152,75	151,35	150,85	150,20	150,55	150,15
<b>Chênh lệch nhiệt độ/ Max. Temp. Gradient <sup>(1)</sup></b>	<b>Biến động nhiệt độ/ Temp. Fluctuation <sup>(2)</sup></b>								
3,07 °C	± 1,80 °C								

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the measurability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Không được báo cáo mở rộng được, tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn quốc gia với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 The certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Ủy ban Chứng nhận Chất lượng (Đánh) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036). Các yêu cầu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Đánh 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-03012BNH5/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

12/11/2025

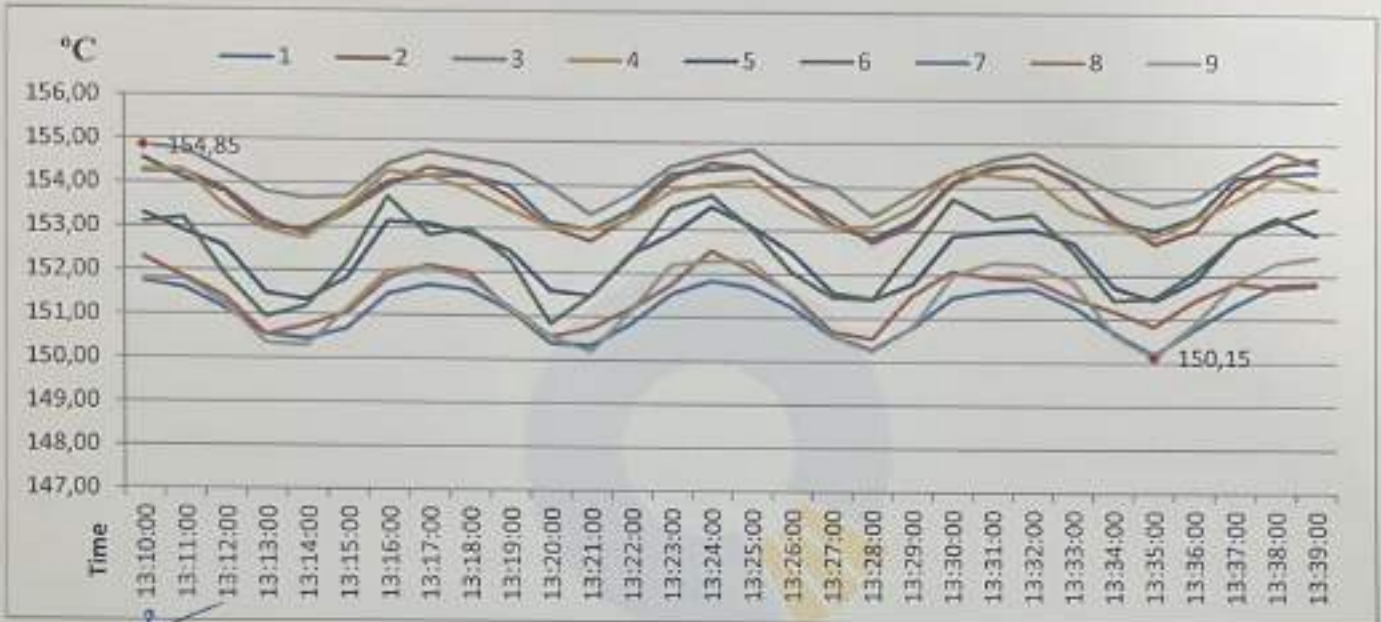
Page: 03/04

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK 03

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration**

Biểu đồ của dữ liệu hiệu chuẩn/Chart of calibration data

SP: 150,0 °C



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ hợp lệ khi kết quả hiệu chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhận với hệ số phủ k = 2, phạm vi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi điều kiện và giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
 Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đoàn) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Việc 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
 The Testing Lab is accredited in conformity to ISO/IEC 17025:2017 for Bureau of Accreditation - The Non (Class 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-03012BNHS/2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

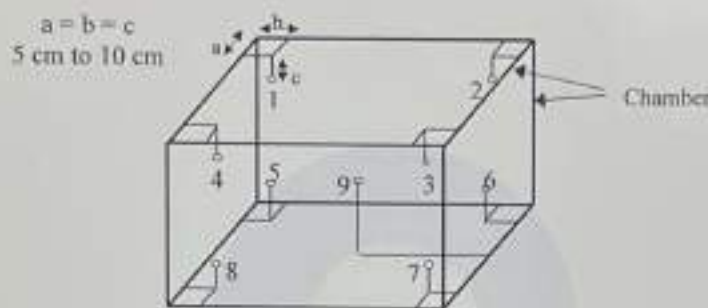


2/11/2025  
Page: 04/04

**14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of calibration**

Điểm đặt, °C <i>Setting Point (SP)</i>	Giá trị chỉ thị, °C <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, °C <i>Reference Value</i>	Số hiệu chỉnh, °C <i>Correction</i>	Độ KĐBĐ, °C <i>Uncertainty</i>
150,0	150,0	152,72	+ 2,5	2,5

<Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure>



Mặt phẳng trước/ Front surface: (4, 3, 7, 8)

**15. Thông tin khác/ Other Informations**

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong tài liệu **NĐ 86/2012/NĐ-CP; BIPM SI Brochure**. All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7. Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba mươi lần đo để tính giá trị trung bình và hiệu chỉnh. All calibration results are based on thirty times of measurement, from which the average and correction are calculated.
- <sup>(1)</sup>: Chênh lệch lớn nhất về giá trị trung bình giữa hai vị trí bất kì trong không gian làm việc trong khoảng thời gian qui định sau khi thiết bị đạt trạng thái ổn định. Maximum difference in mean value, between two separate points of the working space during a specified time after stabilization.
- <sup>(2)</sup>: Biến động tại vị trí bất kì trong không gian làm việc trong khoảng thời gian qui định sau khi thiết bị đạt trạng thái ổn định. The fluctuation during a specified interval of time at specified temperature points in the working space, after temperature stabilization.
- Giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng. The quantity value is calibrated as request of customer.
- Khả năng đọc trên phương tiện đo/ Readability: **2,5 °C**

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này chỉ hợp với hệ mét quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.  
This calibration certificate documents the accuracy to national standards, which enable the units of measurement according to the International System of Units.  
2. Độ không đảm bảo đo nêu ở đây được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.  
5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Đo lường) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 036). Các nội dung có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VILAS 036). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**  
Số (N°): 11-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: P230901267
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Wise	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0+6) bar
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,2 bar
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31412	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

*Date of issue:*

**GIÁM ĐỐC**

*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 12-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> Pressure Gauge	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : P230901277
Nơi sản xuất: Manufacturer:	Wise	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0-6) bar
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,2 bar
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. Passed.	
Số tem kiểm định: Verification stamp No:	K31413	
Thời hạn đến (*): Valid until:	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025  
Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập

(\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (N°): 1-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/1
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HXC	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31402	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

**Lê Ngọc Luận**

**GIÁM ĐỐC**

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*). Vui điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
*Provided to respect principles of use and maintenance*



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**  
Số (N°): 2-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/2
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HXC	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31403	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K. GIÁM ĐỐC

Director



KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

*Lê Ngọc Luận*  
**Lê Ngọc Luận**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 3-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/3
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HXC	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0-9,81) bar / (0-10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31404	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K. GIÁM ĐỐC  
Director



KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 4-40925.2025/KD2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÊ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79DSG-AK/4
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HXC	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No :</i>	K31405	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until :</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K.T. **GIÁM ĐỐC**

Director

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\* Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (N<sup>o</sup>): 5-40925.2025/KD2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÊ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/5
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HXC	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31406	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025  
*Date of issue*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
*Provided to respect principles of use and maintenance*



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**  
Số (N<sup>o</sup>): 6-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/6
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31407	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

**K.T. GIÁM ĐỐC**

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

*[Signature]*  
**Lê Ngọc Luận**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (N<sup>o</sup>): 7-40925.2025/KD2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/7
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31408	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**

K. **GIÁM ĐỐC** K.  
*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**LÀ Huy Lập**

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
*Provided to respect principles of use and maintenance*



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 8-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/8
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31409	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

1. GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\* ) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**  
Số (N°): 9-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: **ÁP KÊ**  
Object: **Pressure Gauge**

Kiểu/Type: **Lò xo ống / Bourdon** Số chế tạo/Serial N°: **79ĐSG-AK/9**

Nơi sản xuất: **Holland** Năm/Year: **-**  
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/Specifications: Phạm vi đo/Range: **(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm<sup>2</sup>**  
Độ chính xác/Accuracy Degree: **2,5% FS**  
Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval: **0,196 bar / 0,2 kG/cm<sup>2</sup>**  
Môi trường đo/Media: **Khí nén/ Hơi nước/ Nước**

Nơi sử dụng: **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**  
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
User:

Phương pháp thực hiện: **DLVN 08:2011**  
Method of verification:

Điều kiện môi trường khi kiểm định: Nhiệt độ/Temperature: **[20 ± 5]°C**  
Verification environmental Độ ẩm/Humidity: **< 80% RH**

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường.**  
Conclusion: **Passed.**

Số tem kiểm định: **K31410**  
Verification stamp No :

Thời hạn đến (\*): **30-11-2026**  
Valid until :

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K. GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 10-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/10
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31411	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 13-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/13
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Pro-Instrument	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0+6,86) bar / (0+7) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,1 bar / 0,1 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	DLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31414	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
*Provided to respect principles of use and maintenance*



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 14-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KÊ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/14
Nơi sản xuất: Manufacturer:	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0+14,71) bar / (0+15) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,49 bar / 0,5 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No:	K31415	
Thời hạn đến (*): Valid until:	30-11-2026	

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verified by

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KT. GIÁM ĐỐC  
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 15-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type :	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/15
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HongQi	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷10) bar / (0÷1) MPa
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,5 bar / 0,05 MPa
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No :</i>	K31416	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until :</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 16-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/16
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No.:</i>	K31417	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Huy Lập

(\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 17-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/17
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No.:</i>	K31418	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K. GIÁM ĐỐC  
Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 18-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/18
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31419	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director



**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

*Lê Ngọc Luận*

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (Nº): 19-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79DSG-AK/19
Nơi sản xuất: Manufacturer:	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No :	K31420	
Thời hạn đến (*): Valid until :	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 20-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79DSG-AK/20
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0=9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khi nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31421	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

*Date of issue*

GIÁM ĐỐC

*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (N°): 21-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/21
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0-9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khi nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31422	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận

K.T. GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập

(\* ) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 22-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/22
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31423	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**

K.T. GIÁM ĐỐC

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**LÀ HUY LẬP**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (Nº): 23-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KÉ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/23
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	DLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No :</i>	K31424	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until :</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

(C1, GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**

(\* ) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 24-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/24
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No :</i>	K31425	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until :</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KT. GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 25-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79ĐSG-AK/25
Nơi sản xuất: Manufacturer:	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No :	K31426	
Thời hạn đến (*): Valid until :	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**

GIÁM ĐỐC  
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (Nº): 26-40925.2025/KD2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KÊ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/26
Nơi sản xuất: Manufacturer:	FRANCE	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature :	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No :	K31427	
Thời hạn đến (*): Valid until :	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K.T. **GIÁM ĐỐC**

Director

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*): Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 27-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79DSG-AK/27
Nơi sản xuất: Manufacturer:	HV	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No:	K31295	
Thời hạn đến (*): Valid until:	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**

17. GIÁM ĐỐC

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 28-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KÊ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/28
Nơi sản xuất: Manufacturer:	HV	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: Place:	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No:	K31296	
Thời hạn đến (*): Valid until:	30-11-2026	

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K7. GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**LÊ Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 29-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: **ÁP KÊ**  
Object: **Pressure Gauge**

Kiểu/Type: **Lò xo ống / Bourdon** Số chế tạo/Serial N<sup>o</sup>: **79DSG-AK/29**  
Nơi sản xuất: **HV** Năm/Year: **-**  
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications: Phạm vi đo/Range: **(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm<sup>2</sup>**  
Độ chính xác/Accuracy Degree: **2,5% FS**  
Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval: **0,196 bar / 0,2 kG/cm<sup>2</sup>**  
Môi trường đo/Media: **Khí nén/ Hơi nước/ Nước**

Nơi sử dụng: **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**  
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 08:2011**  
Method of verification:

Điều kiện môi trường khi kiểm định: Nhiệt độ/Temperature: **[20 ± 5]°C**  
Verification environmental Độ ẩm/Humidity: **< 80% RH**

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường.**  
Conclusion: **Passed.**

Số tem kiểm định: **K31297**  
Verification stamp No :

Thời hạn đến (\*): **30-11-2026**  
Valid until :

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận

K1. GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Huy Lập

(\*). Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 30-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/30
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HV	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31298	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

**Lê Ngọc Luận**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 31-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 79ĐSG-AK/31
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HV	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0÷9,81) bar / (0÷10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	<b>683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh</b>	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN</b>	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31299	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

10/11/2025

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Huy Lập

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 32-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 79DSG-AK/32
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	HV	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Khí nén/ Hơi nước/ Nước
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31300	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	30-11-2026	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 33-40925.2025/KĐ2



Tên đối tượng: **ÁP KÊ**  
Object: **Pressure Gauge**

Kiểu/Type: **Lò xo ống / Bourdon**      Số chế tạo/Serial N°: **79DSG-AK/33**

Nơi sản xuất: **Nhật bản**      Năm/Year: **-**  
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật đo **Phạm vi đo/Range: (0+4) bar / (0+0,4) MPa**  
lượng/Specifications: **Độ chính xác/Accuracy Degree: 2,5% FS**  
**Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval: 0,2 bar / 0,02 MPa**  
**Môi trường đo/Media: Hơi nước**

Nơi sử dụng: **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**  
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 08:2011**  
Method of verification:

Điều kiện môi trường khi kiểm định: **Nhiệt độ/Temperature: [20 ± 5]°C**  
Verification environmental: **Độ ẩm/Humidity: < 80% RH**

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường.**  
Conclusion: **Passed.**

Số tem kiểm định: **K31401**  
Verification stamp No:

Thời hạn đến (\*): **30-11-2026**  
Valid until:

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verified by

  
**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Date of issue

K1 - GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



# TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 38208095 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ

## I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Địa chỉ: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Tp. Hồ Chí Minh

## II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: BÌNH CHỨA KHÍ NÉN

Mã hiệu: DT -1000Đ

Số chế tạo: TQD - 2783

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Công Ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Tân Quốc Dũng

Năm chế tạo: 2019

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Dung tích: 1,0 m<sup>3</sup>
- Áp suất thiết kế: 9,81 bar
- Áp suất làm việc: 8 kG/cm<sup>2</sup> (7,84) bar
- Nhiệt độ làm việc: 50 °C
- Môi chất làm việc: Không khí nén
- Công dụng của bình: Chứa , cung cấp không khí nén

Địa điểm lắp đặt: 683, Đường Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Tp.HCM

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H53499/KĐ2 ngày 11-11-2025 (\*)

Tem kiểm định số: H53499

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 03-11-2028

# CISR

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2025



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

Chứng thư này thay thế cho chứng thư



(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật, quy định của nhà sản xuất, đáp ứng các yêu cầu tại biên bản kiểm định.

TP.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2025

**BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỞNG**

Số: H53499/KĐ2

(KĐV ghi đầy đủ các nội dung đánh giá và thông số kiểm tra, thử nghiệm theo đúng quy trình kiểm định)

**I. Thông tin chung**

Tên thiết bị: BÌNH CHỨA KHÔNG KHÍ NÉN

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): 683, Đường Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: như trên

Nội dung buổi làm việc với cơ sở:

1. Làm việc với ai: Bùi Thị Thúy Vân Chức vụ: Nhân Viên  
2. Người chứng kiến: Lê Bá Hải Chức vụ: Phó Bộ Phận Kỹ Thuật

**II. Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu: DT -1000Đ
- Số chế tạo: TQD - 2783
- Tháng năm chế tạo: 2019
- Nhà chế tạo: Công Ty TNHH SX –TM Tân Quốc Dũng
- Nước chế tạo: Việt Nam
- Dung tích: 1,0 m<sup>3</sup>
- Áp suất thiết kế: 9,81 bar
- Áp suất làm việc: 8,0 kG/cm<sup>2</sup>
- Nhiệt độ làm việc: 50 °C
- Môi chất làm việc: Không khí nén
- Công dụng của bình: Chứa không khí nén

**III. Thiết bị đo phục vụ kiểm định**

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	0 + 16 bar	-	22272.2025/KĐ2	31/05/2026
2	Bơm thử áp lực	50 bar			

**IV. Kiểm tra hồ sơ**

**1. Kiểm định lần đầu**

TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt
	Hồ sơ xuất xưởng		
1	Lý lịch của bình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Bản vẽ cấu tạo của bình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng kim loại chế tạo, kim loại hàn, mối hàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Giấy chứng nhận hợp quy (Số GCN: ...../KĐ2 ngày .....)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Hồ sơ lắp đặt		
1	Thiết kế lắp đặt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Biên bản nghiệm thu lắp đặt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	Các chứng chỉ kiểm tra về đo lường		
1	Giấy chứng nhận kiểm định áp kế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Biên bản kiểm tra tiếp địa, chống sét (nếu có):	Có <input type="checkbox"/> ; Không có <input type="checkbox"/>	
3	Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ (nếu có):	Có <input type="checkbox"/> ; Không có <input type="checkbox"/>	

**2. Kiểm định định kỳ**

TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt
1	Lý lịch bình chịu áp lực; Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có):	Có <input type="checkbox"/> ; Không có <input checked="" type="checkbox"/>	

**3. Kiểm định bất thường**

TT	Tên hồ sơ	Đạt	Không đạt
1	Lý lịch bình chịu áp lực; Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Hồ sơ về sửa chữa; biên bản kiểm tra về chất lượng sửa chữa, thay đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Hồ sơ lắp đặt (trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có):	Có <input type="checkbox"/> ; Không có <input type="checkbox"/>	

Mô tả các điểm không đạt: /

**V. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong**

TT	Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt	Không đánh giá	TT	Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Vị trí lắp đặt (Khoảng cách với tường, giữa các thiết bị)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5	Tình trạng sơn, bảo ôn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Ánh sáng vận hành	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6	Thiết bị sử dụng khi kiểm tra bên trong: đèn pin, máy siêu âm Tình trạng bên trong của bình:			
3	Thông số kỹ thuật so với lý lịch	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6.1	Tình trạng cận bản	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tình trạng han gi, rạn, nứt, phồng dộp thành kim loại bình	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6.2	Bề mặt kim loại, mối hàn bên trong: + Móp méo + Phồng + Han gi + Rạn nứt	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tình trạng của các thiết bị kiểm tra an toàn, dụng cụ đo kiểm:

TT	Tên thiết bị	Ghi nhận kết quả			
1	Van an toàn	Kiểu loại: Lò xo	Kích cỡ: D 21 mm	Số lượng: 01 cái	
2	Áp kế	Thang đo	Cấp CX	Số tem kiểm định	Hạn kiểm định
		0 + 10 kg/cm <sup>2</sup>	2,5	K 19080	30/07/2026
3	Đo mức	Kiểu loại: /		Số lượng: /	

Mô tả các điểm không đạt: /

**VI. Thử nghiệm****1. Thử bền:**

- Không thực hiện  ; Lý do không thực hiện: //

- Chấp nhận kết quả thử nghiệm của đơn vị khác  ; Biên bản thử xuất xưởng số , ngày và Biên bản nghiệm thu lắp đặt (nếu có) số , ngày đính kèm:

- Có thực hiện

Áp suất thử (bar)		Môi chất thử	Thiết bị cấp môi chất	Thời gian duy trì áp suất thử (phút)	Kết quả thử	Không	Có
Tính toán	Thực tế						
11	11	Nước sạch	Bơm thử áp lực	5	Tình trạng rò rỉ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
					Tình trạng biến dạng	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
					Độ tụt áp	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Mô tả các vết nứt, biến dạng, rò rỉ mỗi nối, suy giảm áp suất phát hiện được: /

**2. Thử kín:**

- Không thực hiện  ; Lý do không thực hiện:

- Có thực hiện

Áp suất thử (bar)		Môi chất thử	Thiết bị cấp môi chất	Thời gian duy trì áp suất thử (phút)	Kết quả thử	Không	Có
Tính toán	Thực tế						
					Tình trạng rò rỉ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
					Tình trạng biến dạng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
					Độ tụt áp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Mô tả tình trạng phát hiện được:

**VII. Thử vận hành**

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt
1	Tình trạng làm việc của bình	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3	Tình trạng làm việc của van an toàn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Tình trạng làm việc của thiết bị đo lường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Mô tả các điểm không đạt: /

**VII. Áp suất đặt của van an toàn**

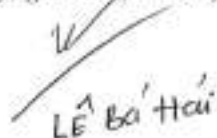
- Hiệu chỉnh cùng quá trình thử vận hành

- Hiệu chỉnh không cùng quá trình thử vận hành  (Ghi rõ số GCN, ngày cấp trong bảng)

Áp suất đặt	Số GCN, ngày cấp
8,6 kG/cm <sup>2</sup>	

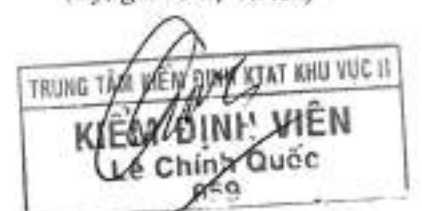
**NGƯỜI THAM GIA CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

  
LÊ Bá Hải

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)



TP.HCM, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN  
(BÌNH CHỤU ÁP LỰC)**

Số: H53499/KĐ2

(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: H53499/KĐ2)

Chúng tôi gồm:

1. Thái Kim Nhựt

Số hiệu kiểm định viên: 542/KĐV-LDTBXH

2. Lê Chính Quốc

Số hiệu kiểm định viên: 598/KĐV -LDTBXH

Thuộc: Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Khu vực II

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: **01/GCN-KĐ**

Đã tiến hành kiểm định: **BÌNH CHỤU KHÔNG KHÍ NÉN**

Của (ghi rõ tên cơ sở): CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): 683, Đường Quang Trung, Phường **TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT KHU VỰC II**

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: Như trên

Quy trình kiểm định áp dụng: **QTKĐ:07-2016/BLDTBXH**

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Bùi Thị Thúy Vân

Chức vụ: Nhân viên

2. **LÊ BA' HÒU**

Chức vụ: *phó bộ phận kỹ thuật*



**I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH**

- Loại, mã hiệu: DT -1000D
- Số chế tạo: TQD - 2783
- Năm chế tạo: 2019
- Nhà chế tạo: Công Ty TNHH SX -TM Tân Quốc Dũng
- Nước chế tạo: Việt Nam
- Dung tích: 1,0 m<sup>3</sup>
- Áp suất thiết kế: 9,81 bar
- Áp suất làm việc: 8,0 kG/cm<sup>2</sup>
- Nhiệt độ làm việc: 50 °C
- Môi chất làm việc: Không khí nén
- Công dụng của bình: Chứa không khí nén
- Ngày kiểm định lần trước: 11/10/2022, số biên bản: G86813/KĐ2, do: Trung Tâm Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Khu Vực II thực hiện

**II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH**

Lần đầu ; Định kỳ ; Bất thường

Lý do đối với trường hợp kiểm định bất thường: //

**III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH**

**1. Kiểm tra hồ sơ:**

- Nhận xét: Đầy đủ hồ sơ theo quy định

- Đánh giá kết quả:

Đạt

Không đạt

**2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:**

TT	Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt	Không đánh giá
1	Vị trí lắp đặt	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Sàn, cầu thang thao tác	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Chiều sáng vận hành	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Tiếp địa chống sét, tiếp địa an toàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tình trạng mối hàn, các mối nối	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Các van và thiết bị phụ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Van an toàn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Áp kế	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Đo mức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
11	Các thiết bị an toàn, tự động khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
12		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Nhận xét: /

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

### 3. Thử nghiệm

Nội dung	Môi chất thử	Áp suất thử	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Nước	11 bar	5
Thử kín			
Thử vận hành	Không khí nén	8,0 kG/cm <sup>2</sup>	60

- Nhận xét: /

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

### IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Bình được kiểm định có kết quả: Đạt ; Không đạt
- Đã được dán tem kiểm định số: H53499 Tại vị trí: Trên thân bình
- Áp suất làm việc: 8 kG/cm<sup>2</sup>
- Nhiệt độ làm việc: 50 °C
- Áp suất đặt của van an toàn : 8,6 kG/cm<sup>2</sup>
- Các kiến nghị: /

Thời gian thực hiện kiến nghị: /

### V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày 03 tháng 11 năm 2028.

Lý do rút ngắn thời hạn: Theo yêu cầu của đơn vị sử dụng.

Biên bản đã được thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2025. Tại: Đơn vị sử dụng.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

#### CHỦ CƠ SỞ

Cum kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các kiến nghị

(Ký tên và đóng dấu)



*Lê Như Vũ*  
TỔNG GIÁM ĐỐC

#### NGƯỜI THAM GIA

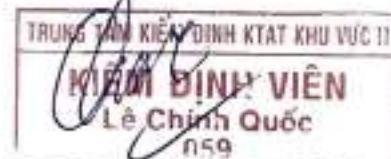
CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

*Lê Bá Hải*

#### KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)





Số: 40965.2025/KĐ2

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 11 năm 2025



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên phép thử: Đo điện trở tiếp đất  
 Đối tượng thử nghiệm: Các cực nối đất lắp đặt trong các hệ thống nối đất chống sét đánh thẳng, lan truyền trong các công trình xây dựng, công nghiệp và dân dụng.  
 Công trình: CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
 Địa chỉ lắp đặt: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh.  
 Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
 Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 9385:2012  
 Quy trình thử nghiệm số: QT11 - Quy trình đo điện trở tiếp đất  
 Người thực hiện: Lê Ngọc Luận  
 Thời gian thực hiện: 03/11/2025  
 Tình trạng thời tiết khi thử nghiệm: Trời nắng, đất khô.

### I- ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG

Hệ thống chống sét đánh thẳng loại chủ động phóng điện sớm.

### II- KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Dụng cụ thử nghiệm:

Mã hiệu	Số chế tạo	Giấy CN kiểm định số	Hạn kiểm định
KYORITSU 4105A	E8071255	KT3-00238ADE5/2	31/03/2026

#### Kết quả thử nghiệm:

Stt	Vị trí đo	Trị số trung bình của 3 lần đo ( $\Omega$ )	Hệ số phụ	Trị số đánh giá ( $\Omega$ )	Đánh giá theo TCVN 9385:2012 ( $\leq 10 \Omega$ )	Ghi chú
1	Dây tiếp đất	2,87	1,3	3,73	ĐẠT	

### III- KẾT LUẬN

Đối tượng thử nghiệm có trị số điện trở tiếp đất nhỏ hơn trị số yêu cầu quy định tại Tiêu chuẩn áp dụng.  
Đơn vị cần thực hiện đo điện trở tiếp đất trước ngày 03/11/2026

NGƯỜI THỰC HIỆN

Lê Ngọc Luận

KI. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
LÊ Huy Lập



CỤC VIỆC LÀM  
DEPARTMENT OF EMPLOYMENT

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II  
CENTER OF INDUSTRIAL SAFETY REGISTRATION ZONE II

Lầu 6, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu  
P. Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (028)38275302 - Fax: (028) 38275300  
Website: <http://www.kiemdinh.vn>

Số: 40966.2025/KĐ2

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 06 tháng 11 năm 2025



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên phép thử: Đo điện trở tiếp đất  
Đối tượng thử nghiệm: Các cực nối đất lắp đặt trong các hệ thống nối đất của dây trung tính máy phát điện, máy biến áp và dây trung tính bảo vệ có điện áp đến 1 kV.  
Công trình: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
Địa chỉ lắp đặt: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh.  
Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
Tiêu chuẩn áp dụng: T1 TCN-18-2006  
Quy trình thử nghiệm số: QT11 - Quy trình đo điện trở tiếp đất  
Người thực hiện: Lê Ngọc Luận  
Thời gian thực hiện: 03/11/2025  
Tình trạng thời tiết khi thử nghiệm: Trời nắng, đất khô.

### I- ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG

Điện áp dây/ pha: 380V / 220V

### II- KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Dụng cụ thử nghiệm:

Mã hiệu	Số chế tạo	Giấy CN kiểm định số	Hạn kiểm định
KYORITSU 4105A	E8071255	KT3-00238ADE5/2	31/03/2026

#### Kết quả thử nghiệm:

Stt	Vị trí đo	Trị số trung bình của 3 lần đo ( $\Omega$ )	Hệ số phụ	Trị số đánh giá ( $\Omega$ )	Đánh giá theo T1 TCN-18-2006 ( $\leq 4 \Omega$ )	Ghi chú
1	Dây tiếp đất Tủ điện tổng	1,68	1,3	2,18	ĐẠT	

### III- KẾT LUẬN

Đối tượng thử nghiệm có trị số điện trở tiếp đất nhỏ hơn trị số yêu cầu quy định tại Tiêu chuẩn áp dụng.  
Đơn vị cần thực hiện đo điện trở tiếp đất trước ngày 03/11/2026

NGƯỜI THỰC HIỆN

Lê Ngọc Luận

KIỂM ĐỊNH  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II  
CỤC VIỆC LÀM  
VIỆN  
GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (N<sup>o</sup>): 5-03828.2026/KD2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 05ĐSG-AK/5
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lường/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/Range:	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Nước/ Hơi nước/ Khí nén
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No :</i>	K31685	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	28-02-2027	

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

*Date of issue*

Kí. GIÁM ĐỐC

*Director*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 4-03828.2026/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 05ĐSG-AK/4
Nơi sản xuất: Manufacturer:	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0÷24,52) bar / (0+25) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,49 bar / 0,5 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Nước/ Hơi nước/ Khí nén
Nơi sử dụng: Place:	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: Verification stamp No :	K31687	
Thời hạn đến (*): Valid until :	28-02-2027	

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verified by

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Date of issue

**KT. GIÁM ĐỐC**

Director



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Lê Huy Lập**

(\*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 3-03828.2026/KĐ2



Tên đối tượng: <i>Object:</i>	<b>ÁP KẾ</b> <i>Pressure Gauge</i>	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N <sup>o</sup> : 05ĐSG-AK/3
Nơi sản xuất: <i>Manufacturer:</i>	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/ <i>Specifications:</i>	Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0+9,81) bar / (0+10) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/ <i>Accuracy Degree:</i>	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/ <i>Scale Interval:</i>	0,196 bar / 0,2 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/ <i>Media:</i>	Nước/ Hơi nước/ Khí nén
Nơi sử dụng: <i>Place:</i>	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: <i>User:</i>	CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: <i>Method of verification:</i>	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: <i>Verification environmental</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i>	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/ <i>Humidity:</i>	< 80% RH
Kết luận: <i>Conclusion:</i>	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. <i>Passed.</i>	
Số tem kiểm định: <i>Verification stamp No:</i>	K31683	
Thời hạn đến (*): <i>Valid until:</i>	28-02-2027	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Date of issue

K.T. GIÁM ĐỐC

Director

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Ngọc Luận



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Huy Lập

(\* Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản  
Provided to respect principles of use and maintenance



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*  
Số (Nº): 2-03828.2026/KD2



Tên đối tượng: **ÁP KẾ**  
*Object:* *Pressure Gauge*

Kiểu/Type: Lò xo ống / Bourdon Số chế tạo/Serial N°: 05ĐSG-AK/2  
Nơi sản xuất: Holland Năm/Year: -  
*Manufacturer:*

Đặc trưng kỹ thuật đo lường/Specifications: Phạm vi đo/Range: (0+9,81) bar / (0=10) kG/cm<sup>2</sup>  
Độ chính xác/Accuracy Degree: 2,5% FS  
Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval: 0,196 bar / 0,2 kG/cm<sup>2</sup>  
Môi trường đo/Media: Nước/ Hơi nước/ Khí nén

Nơi sử dụng: **683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh**  
*Place:*

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
*User:*

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08:2011  
*Method of verification:*

Điều kiện môi trường khi kiểm định: Nhiệt độ/Temperature: [20 ± 5]°C  
*Verification environmental* Độ ẩm/Humidity: < 80% RH

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường.  
*Conclusion:* *Passed.*

Số tem kiểm định: K31682  
*Verification stamp No.:*

Thời hạn đến (\*): 28-02-2027  
*Valid until:*

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
*Verified by*

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

*Date of issue*

KT. GIÁM ĐỐC   
*Director*



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



Địa chỉ (Add): 45 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Tp. HCM  
Điện thoại (Tel): (028) 38275302 - Fax: (028) 38275300

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N°): 1-03828.2026/KĐ2



Tên đối tượng: Object:	<b>ÁP KẾ</b> Pressure Gauge	
Kiểu/Type:	Lò xo ống / Bourdon	Số chế tạo/Serial N°: 05DSG-AK/1
Nơi sản xuất: Manufacturer:	Holland	Năm/Year: -
Đặc trưng kỹ thuật đo lượng/Specifications:	Phạm vi đo/Range:	(0+24,52) bar / (0+25) kG/cm <sup>2</sup>
	Độ chính xác/Accuracy Degree:	2,5% FS
	Vạch chia nhỏ nhất/Scale Interval:	0,49 bar / 0,5 kG/cm <sup>2</sup>
	Môi trường đo/Media:	Nước/ Hơi nước/ Khí nén
Nơi sử dụng: Place:	683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	
Người/Đơn vị sử dụng: User:	CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN	
Phương pháp thực hiện: Method of verification:	ĐLVN 08:2011	
Điều kiện môi trường khi kiểm định: Verification environmental	Nhiệt độ/Temperature:	[20 ± 5]°C
	Độ ẩm/Humidity:	< 80% RH
Kết luận: Conclusion:	Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường. Passed.	
Số tem kiểm định: Verification stamp No :	K31686	
Thời hạn đến (*): Valid until :	28-02-2027	

KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Verified by

**Lê Ngọc Luận**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Date of issue

KT. GIÁM ĐỐC  
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Lê Huy Lập**



Số: 41180.2025/KĐ2

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 11 năm 2025



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên phép thử: Đo điện trở cách điện  
Đối tượng thử nghiệm: Các thiết bị điện xoay chiều có điện áp đến 1000V, tần số 50Hz.  
Công trình: Hệ thống điện hạ áp  
Địa chỉ lắp đặt: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP.HCM  
Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7447-6:2011  
Quy trình thử nghiệm số: QT12 - Quy trình đo điện trở cách điện hệ thống lắp đặt điện hạ áp  
Người thực hiện: Nguyễn Ngọc Trai  
Thời gian thực hiện: 03-11-2025

### I- ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG

Loại sơ đồ nối đất bảo vệ: TN-C  
Điện áp dây/pha: 220/380V

### II- KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Dụng cụ thử nghiệm:

Mã hiệu	Số chế tạo	Giấy CN kiểm định số	Hạn kiểm định
Máy đo điện trở cách điện 3007A	E8359116	KT3-00238ADE5/3	03/2026

Kết quả thử nghiệm: Nhiệt độ đối tượng khi đo  $T = 32^{\circ}\text{C}$

Stt	Hạng mục	Trị số cách điện ( $\text{M}\Omega$ )						Đánh giá theo TCVN 7447-6:2011 ( $\geq 1,0 \text{ M}\Omega$ )
		R-S	R-T	S-T	R-E	S-E	T-E	
1	Tù điện tổng	126,2	136,7	129,4	180,8	192,5	168,7	Đạt

### III- KẾT LUẬN

Đối tượng thử nghiệm có các trị số điện trở cách điện lớn hơn trị số yêu cầu quy định tại Tiêu chuẩn áp dụng.  
Đơn vị cần thực hiện đo điện trở cách điện trước ngày 03-11-2026

NGƯỜI THỰC HIỆN

Nguyễn Ngọc Trai

GIÁM ĐỐC



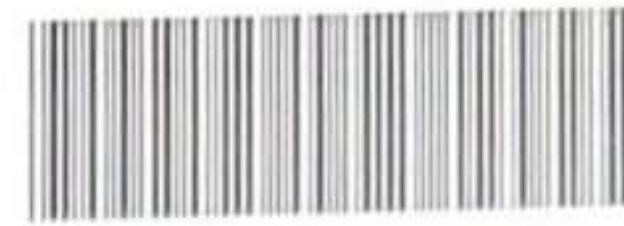
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Huy Lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**

SỐ:



# TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 38208095 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ

## I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Địa chỉ: 683 Quang Trung, phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM

## II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: NỒI HẤP

Mã hiệu: KTR-2346A

Số chế tạo: 810567

Nhà sản xuất/nước sản xuất: ALP Co., LTD - Japan

Năm chế tạo: 9-2023

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- |                       |                          |
|-----------------------|--------------------------|
| - Dung tích:          | 0,022 m <sup>3</sup>     |
| - Áp suất thiết kế:   | 1,8 bar                  |
| - Áp suất làm việc:   | 1,1 bar                  |
| - Nhiệt độ làm việc:  | 121,8 °C                 |
| - Môi chất làm việc:  | Nước và hơi nước bão hòa |
| - Công dụng của bình: | Hấp thanh trùng          |

Địa điểm lắp đặt: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H18477/KĐ2 ngày 24-10-2023 (\*)

Tem kiểm định số: H18477

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 24-10-2026

kiemdinh.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2023



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Trần Hồng Hà**



(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

HĐ số: DN2023-07394



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số (No.): 53716.2023/KĐ2

Tên phép thử (Name of test): Thử siêu âm bề dày (Ultrasonic thickness testing)  
Đơn vị yêu cầu (Client): CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
Người thử nghiệm (Examiner): Ks. Đinh Tấn Dũng - Kiểm định Ngày thử nghiệm (Date of test): 23-10-2023  
Địa điểm thử nghiệm (Place of test): 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

**ĐỐI TƯỢNG THỬ NGHIỆM (OBJECT UNDER TEST):**

Mã hiệu (Model): KTR-2346A	Số chế tạo (Mfg. serial No.): 810567	Năm chế tạo (Mfg. Year): 9-2023	Vật liệu chế tạo (Material): SUS304
-------------------------------	---	------------------------------------	--

THIẾT BỊ (INSTRUMENT)			ĐẦU DÒ (PROBES)			
Hiệu máy (Trade mark)	Mã hiệu (Model)	Số máy (No.):	Mã hiệu (Model)	Góc (Angle)	Tần số (MHz) (Frequency)	Kích thước (mm) (Size)
Olympus	26MG	11370810	D799	0	5	Ø11

Khối chuẩn (Calibration Block): Mẫu chuẩn 5 bậc

Quy trình thử nghiệm (Test Method):

QT13 - Quy trình đo chiều dày bằng máy siêu âm chiều dày hiện số trực tiếp

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (RESULT OF TEST)**

Bộ phận (Part)	Chiều dày (mm) tại các vị trí thử nghiệm (Thickness measured)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Nắp nổi hấp	1.5	1.6	1.5	1.5												
Thân nổi hấp	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.6	1.5	1.5	1.5	1.5	1.6	1.5				
Dáy nổi hấp	1.5	1.5	1.6	1.5												

Xem sơ đồ thử nghiệm trang sau (See next page for sketch of examination)

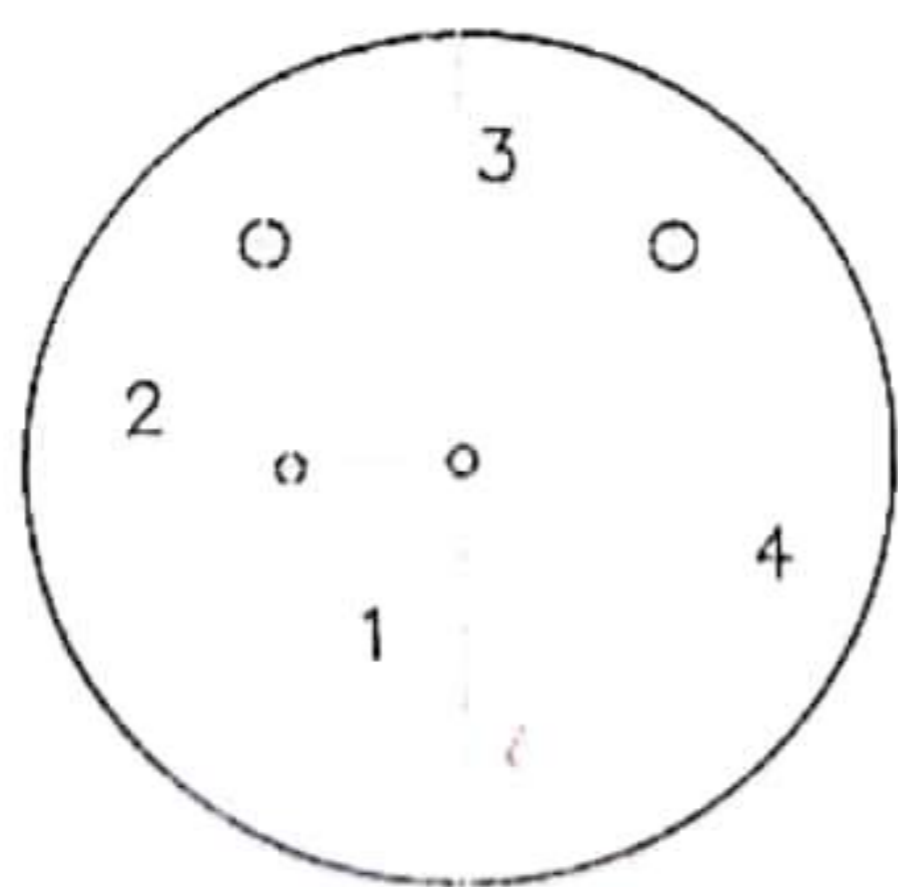
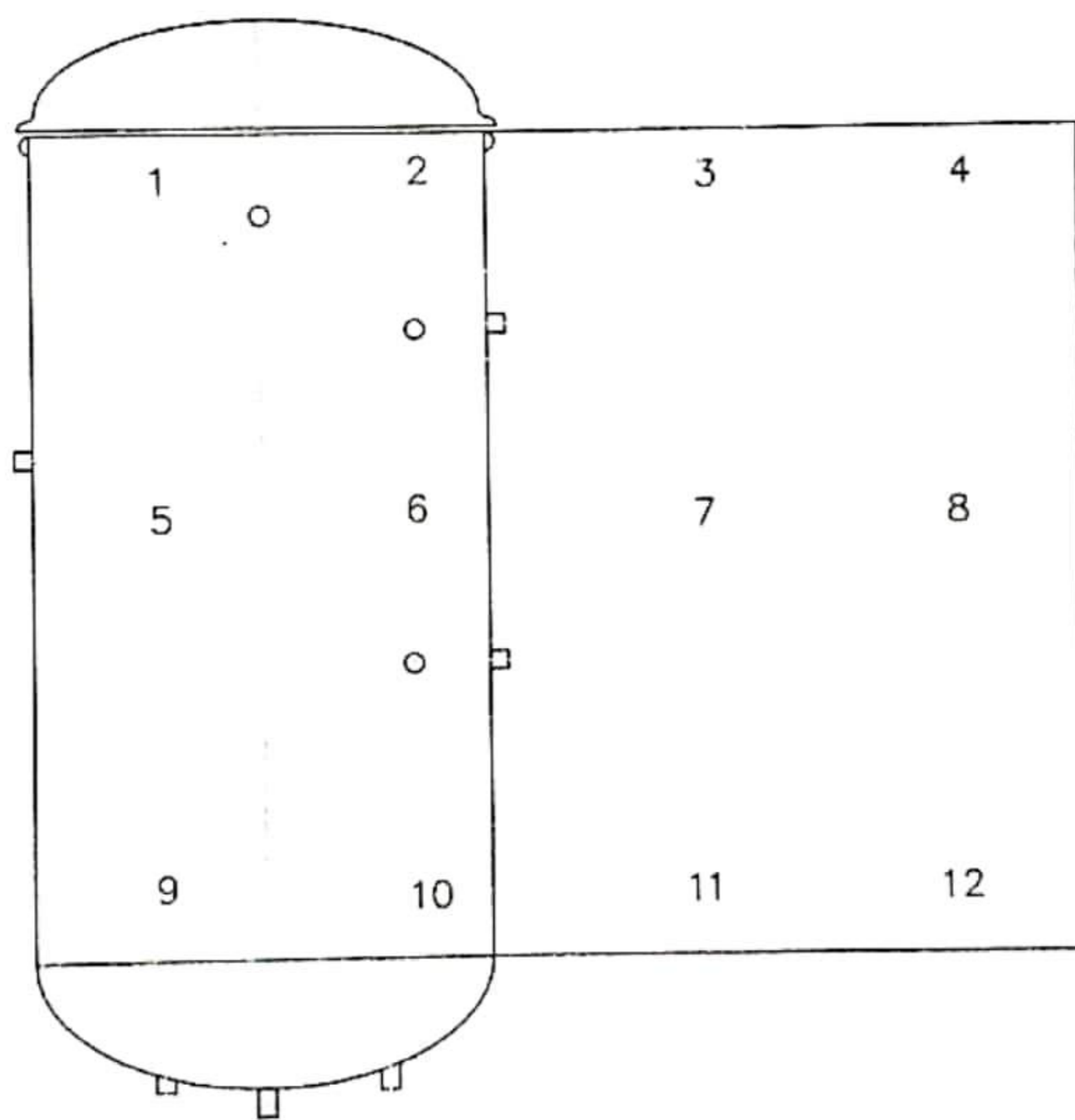
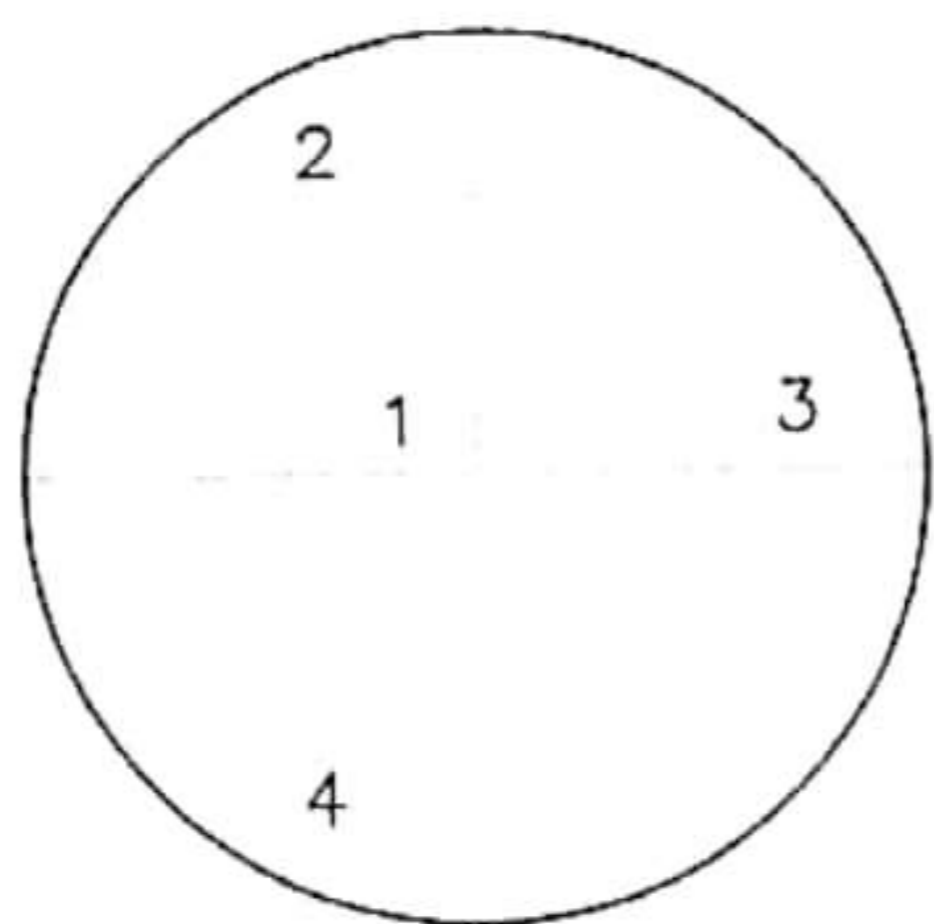
NGƯỜI THỬ NGHIỆM  
(Examiner)

Đinh Tấn Dũng

Ngày 13 tháng 11 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Director  
  
TRƯỞNG TRẠM ĐÔNG SÀI GÒN  
Lê Chung Phúc

# SƠ ĐỒ KIỂM TRA NỘI HẤP KTR-2346A





**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**SẢN PHẨM PHÙ HỢP QUY CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF CONFORMITY**

Số (No.): 53946.2023/KD2

Chứng nhận sản phẩm (This is to certify that):

**NỒI HẤP**

- Mã hiệu (Product code): KTR-2346A
- Số chế tạo (Serial number): 810567
- Nhà chế tạo (Manufacturer): ALP Co., LTD
- Xuất xứ (Origin): Japan
- Năm sản xuất (Year of manufacture): 09-2023

Dặc trưng kỹ thuật của sản phẩm  
(Specification of certified product)

- Áp suất thiết kế: 1,8 bar
- Áp suất làm việc lớn nhất: 1,3 bar
- Áp suất thử thủy lực: 2,7 bar
- Dung tích: 22 Lit

Đơn vị yêu cầu chứng nhận / Chủ sở hữu / Nhập khẩu (Required / Owned / Imported by):

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Địa chỉ (Address):

683 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng (Used by):

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật (Conforms to):

QCVN: 01-2008/BLĐTBXH

Phương thức đánh giá (Certification System):

**PHƯƠNG THỨC 8**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2023

TU & GIÁM ĐỐC



**TRƯỞNG TRẠM ĐÔNG SÀI GÒN**  
**Lê Chung Phúc**

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN  
KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN  
BÌNH CHỊU ÁP LỰC  
Số: H18477/KĐ2**

Chúng tôi gồm:

1. Đinh Tân Dũng Số hiệu kiểm định viên: 548/KĐV-LDTBXH  
Thuộc Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội  
Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 01/GCN-KĐ  
Đã tiến hành kiểm định: **NỒI HẤP THANH TRÙNG**  
Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
Địa chỉ: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ lắp đặt: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.  
Quy trình kiểm định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: **QTKĐ:07-2016/BLDTBXH**  
Thời gian kiểm định: 24/10/2023

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Ms. NGUYỄN THỊ HÀ AN Chức vụ: Phòng kỹ thuật sản xuất  
2. Chức vụ:

**I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH**

- Loại, mã hiệu: KTR – 2346A  
- Số chế tạo: 810567  
- Năm chế tạo: 09/2023  
- Nhà chế tạo: ALP Co., LTD  
- Nước chế tạo: Japan  
- Dung tích: 0,022 m<sup>3</sup>  
- Áp suất thiết kế: 1,8 bar  
- Áp suất làm việc: 1,1 bar  
- Nhiệt độ làm việc: 121,8 °C  
- Môi chất làm việc: Nước và hơi nước bão hòa  
- Công dụng của bình: Hấp thanh trùng  
- Ngày kiểm định lần trước: Do: thực hiện

**II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:**

Lần đầu ; Định kỳ ; Bất thường  (Lý do kiểm định bất thường: )

**III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH**

**1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:** (Theo mục 7.2 của QTKĐ: 07-2016/BLDTBXH)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
	<b>Hồ sơ kỹ thuật thiết bị khi kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu - mục 7.2.1</b>		
1	Lý lịch bình chịu áp lực theo mẫu QCVN 01:2008/BLDTBXH	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	GCN hợp quy (Số GCN: ngày 24/10/2023)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Hồ sơ xuất xưởng bình chịu áp lực	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Giấy chứng nhận kết quả kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Biên bản kiểm tra tiếp địa, chống sét, thiết bị bảo vệ (nếu có)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Hồ sơ lắp đặt (với bình đặt cố định)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Nhận xét: /

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

## 2. Thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định:

TT	Tên gọi – Mã hiệu	Thang đo max	Số nhận dạng	Số GCN KĐ/HC	Hạn KĐ/HC
1	Áp kế	0-6 bar	F66366	23646 .2023/KĐ2	31/05/2024
2					

## 3. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	N/A
1	Thông số kỹ thuật so với lý lịch	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Vị trí lắp đặt (Khoảng cách với tường, giữa các thiết bị)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Chiều sáng vận hành	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Sàn, cầu thang thao tác, giá treo, ...	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tiếp địa chống sét, tiếp địa an toàn điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tình trạng han gi, rạn nứt, phồng rộp thành kim loại bình	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tình trạng sơn, bảo ôn (nếu có)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tình trạng các chi tiết ghép nối	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tình trạng bề mặt kim loại, môi hàn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tình trạng cặn bẩn, han gi, ăn mòn bên trong	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Các van và thiết bị phụ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Van an toàn: - Kiểu loại: Lò xo - Kích cỡ: 1/4" - Số lượng: 01			
	Áp kế: - Thang đo: 0-4,0 bar - Cấp CX: 2,5 - Số tem kiểm định: F51731 - Hạn kiểm định: 31/10/2024			
	Đo mức: - Kiểu loại: - Số lượng:			
12	Các thiết bị an toàn, tự động khác: Rơ le áp suất	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Nhận xét: /

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

## 4. Thử nghiệm:

Tên phép thử	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian thử (phút)	Đánh giá kết quả thử			Không thử
				Kết quả thử	Đạt	Không đạt	
Thử bền	Nước lạnh	2,7	10	Tình trạng rò rỉ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
				Tình trạng biến dạng, nứt	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
				Độ tụt áp	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Thử kín	Không khí	1,8	30	Không phát hiện rò rỉ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
				Độ tụt áp	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Lý do không thử (nếu có):

- Nhận xét: Không thấy các biểu hiện bất thường

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

**5. Thử vận hành:**

Áp suất thử: 1,1 bar, Thời gian thử: 30 phút

TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt	TT	Tên hạng mục	Đạt	Không đạt
1	Tình trạng làm việc của bình	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3	Tình trạng làm việc của van an toàn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Tình trạng làm việc của thiết bị đo lường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4	Tình trạng làm việc của thiết bị phụ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Nhận xét: Thiết bị hoạt động bình thường.

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

**IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Bình được kiểm định có kết quả: Đạt ; Không đạt

2. Đã được dán tem kiểm định số: H18477; Tại vị trí: Trên thân bình

3. Áp suất làm việc: 1,1 bar

4. Nhiệt độ làm việc: 121,8 °C

5. Áp suất cài đặt của van an toàn:

- Hiệu chỉnh cùng quá trình kiểm tra vận hành

- Hiệu chỉnh không cùng quá trình kiểm tra vận hành

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)	Số GCN, ngày cấp
Trên thân bình	1,3	1,1	

6. Các kiến nghị:

Thời gian thực hiện kiến nghị:

**V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH**

Thời hạn kiểm định: ngày 24 tháng 10 năm 2026

Lý do rút ngắn thời hạn: Không

Biên bản đã được thông qua ngày 24 tháng 10 năm 2023. Tại: Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị  
(Ký tên và đóng dấu)



*Lê Như Vũ*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGUYỄN THỊ HÀ AN

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)



ĐINH TÂN DỪNG

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2023*

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỢP QUY CHUẨN**  
**Số: D47515**

Chúng tôi gồm:

1- ĐINH TẤN DŨNG Trưởng đoàn đánh giá

2- ..... Đánh giá viên

Thuộc: **Trung Tâm Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Khu Vực II**

Số quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy: **904/QĐ-LĐTBXH**

Đã tiến hành đánh giá chứng nhận hợp quy chuẩn: **NỘI HÁP THANH TRÚNG**

Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật: **QCVN: 01-2008/BLĐTBXH**

Phương thức đánh giá: Phương thức 8 - Kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa.

Ngày đánh giá: 24/10/2023

Đơn vị yêu cầu chứng nhận: **CÔNG TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Địa chỉ đơn vị yêu cầu chứng nhận: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện đơn vị yêu cầu chứng nhận:

1. NGUYỄN THỊ HẠ AN Chức vụ: Giám sát kỹ thuật

2 Chức vụ:

Tên tổ chức, cá nhân sở hữu (nếu có): **CÔNG TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Địa chỉ trụ sở chính đơn vị sở hữu: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thực hiện đánh giá: 683 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

**I. THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM:**

Tình trạng sản phẩm:  Sản phẩm hoàn chỉnh  Bộ phận, chi tiết

Mã hiệu: KTR – 2346A

Số chế tạo: 810567

Nhà chế tạo: ALP Co., LTD - Japan

Năm chế tạo: 09/2023

Đặc điểm kỹ thuật:

- Dung tích: 22 lít
- Áp suất thiết kế: 1,8 bar
- Áp suất làm việc: 1,0 bar
- Áp suất thử: 2,7 bar
- Môi chất: Nước và hơi nước bão hòa

**II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

**1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:**

TT	Tên hồ sơ	Kết quả đánh giá
1	Tài liệu thuyết minh thiết kế, sơ đồ công nghệ, bản vẽ tổng thể và bản vẽ chi tiết các bộ phận cấu thành sản phẩm	Phù hợp
2	Lý lịch thiết bị và các hồ sơ kỹ thuật khác theo yêu cầu của quy	Phù hợp

	chuẩn áp dụng	
3	Quy trình vận hành, quy định an toàn và xử lý sự cố	Phù hợp
4	Hồ sơ thử nghiệm các bộ phận cấu thành sản phẩm	/
5	Hồ sơ thử nghiệm toàn bộ sản phẩm	Phù hợp
6	Hồ sơ nghiệm thu, lắp đặt (nếu có)	/

## 2. Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm:

TT	Tên hạng mục	Kết quả đánh giá
1	Sự phù hợp của sản phẩm và các bộ phận cấu thành sản phẩm với bản vẽ và hồ sơ kỹ thuật	Phù hợp
2	Tình trạng kỹ thuật của các bộ phận, chi tiết	Phù hợp
3	Tính đồng bộ của các bộ phận cấu thành sản phẩm	Phù hợp
4	Sự phù hợp của tấm nhãn hiệu gắn trên sản phẩm và/hoặc các bộ phận cấu thành sản phẩm với quy định trong quy chuẩn áp dụng	Phù hợp

## 3. Các chỉ tiêu thử nghiệm bổ sung:

TT	Tên chỉ tiêu	Căn cứ đánh giá	Kết quả thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm chi tiết (nếu có) đính kèm

## III. MÔ TẢ CÁC ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP (NẾU CÓ):

## IV. KẾT LUẬN:

- Sản phẩm được đánh giá có kết quả: Đạt yêu cầu phù hợp QCVN 01-2008/BLĐTBXH
- Sản phẩm được dán tem hợp quy số: **D47515** trên thân thiết bị.

## ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

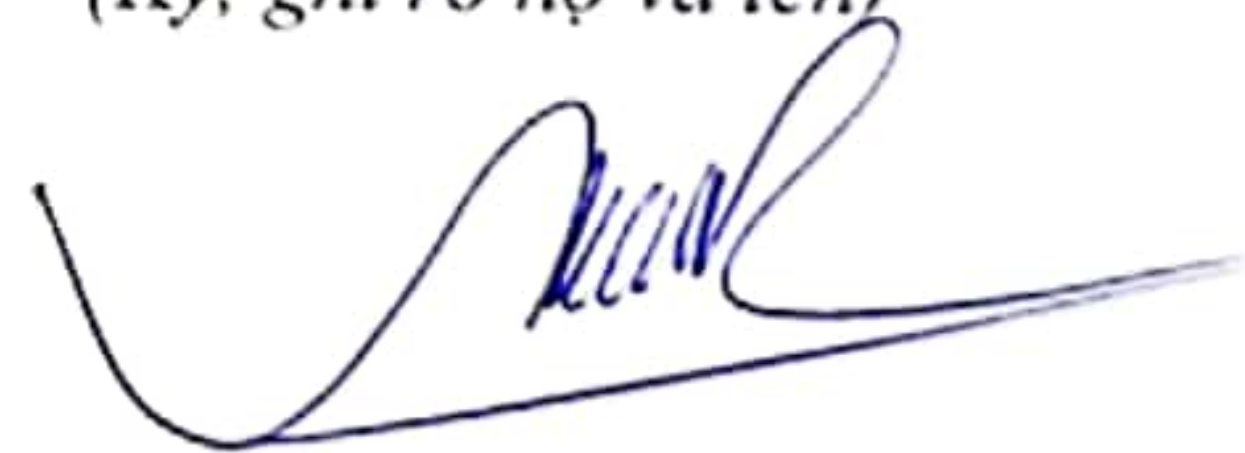
(Ký, ghi rõ họ và tên)



NGUYỄN THỊ HÀ AN

## TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ và tên)



ĐINH TÂN DŨNG